

TIỂU SỬ LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không, thế danh là Từ Nghiệp Hồng, ngài sanh tháng 2 năm 1927, tại huyện Lư Giang tỉnh An Huy, Trung Quốc. Thời thiếu niên ngài học ở trường trung học Quốc Lập thứ ba và trường trung học Nam Kinh Thị Lập thứ nhất. Năm 1949 ngài đến Đài Loan, phục vụ ở Thật Tiến Học Xã. Lúc có thì giờ, ngài nghiên cứu học tập kinh sử triết học. Năm 26 tuổi bắt đầu học Phật ăn trường chay, đầu tiên câu học với nhà triết học giáo sư Phương Đông Mỹ. Kế đến theo học với cao tăng Mật Tông Đại Sư Chương Gia ba năm. Sau cùng đến Đài Trung câu pháp với nhà Phật học Lão Cư Sĩ Lý Bình Nam mười năm, tổng cộng học tập Phật Pháp mười ba năm. Ngài tinh thông kinh luận của các tông phái Phật Giáo và học thuyết của những tôn giáo khác như Nho, Đạo, Cơ Đốc, Islam v.v., đặc biệt là đối với Tịnh Độ Tông Phật Giáo tận tâm tận lực chuyên tu chuyên hoằng, được thành tựu rất huy hoàng.

Năm 1959, vào năm 33 tuổi, ngài được thế độ ở chùa Lâm Tế vùng Viên Sơn thành phố Đài Bắc, pháp danh Tịnh Giác, pháp tự là Tịnh Không. Sau khi thọ giới cụ túc, ngài đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp ở Đài Loan và các nước trên thế giới. Trước sau đã giảng giải như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Tịnh Độ Ngũ Kinh (Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện), Kinh Kim Cang, Kinh Địa Tạng, Kinh Phạm Võng, Kinh Nhân Vương, Kinh Đại Bát Nhã Cương Yếu, Bát Nhã Tâm Kinh, Kinh Bát Đại Nhân Giác, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Thủ Thắng Chí Lạc, Kinh Đương Lai Biến, Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Kinh Kiết Hung, Lục Tổ Đàn Kinh, Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, Đại Thừa Khởi Tín Luận, Vãng Sanh

Luận, Đại Trí Độ Luận, Bách Pháp Minh Môn Luận, Duy Thức Nghiên Cứu, Bát Thức Quy Củ Tụng, Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, Phật Giáo Tam Tạng kinh điển mấy mươi bộ. Ngoài ra, ngài còn giảng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Liễu Phàm Tứ Huấn, còn có chương trình Nhân Ái Hòa Bình Giảng Đường, giảng kinh thuyết pháp hơn bốn mươi năm chưa từng gián đoạn, hiện nay có phát hành nhiều loại băng giảng cassette, băng giảng video, đĩa CD - MP3, đĩa VCD- DVD, có đến mấy ngàn tập. Cho đến nay mỗi ngày bốn tiếng đồng hồ ở trong phòng ghi hình giảng Kinh Hoa Nghiêm, vui với kinh pháp, chưa hề mỏi mệt.

Năm 1960, ngài được mời làm giảng sư ở Tam Tạng Học Viện chùa Thập Phổ thành phố Đài Bắc.

Năm 1961, nhận lời đảm nhiệm ủy viên hoàng pháp và ủy viên văn hiến của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1965, đảm nhiệm ủy viên thiết kế của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1972, đảm nhiệm tổng chủ giảng Đại Chuyên Phật Học Giảng Tọa của Hội Phật Giáo Trung Quốc.

Năm 1973, đảm nhiệm Viện Nghiên Cứu Phật Học Viện Học Thuật Trung Hoa, giáo thọ ủy viên biên dịch Hội Chú Thích Kinh Phật Ngữ Dịch Đài Loan.

Năm 1975, đảm nhiệm làm giáo thọ Văn Hóa Đại Học Triết Học Hệ Trung Quốc, và giáo thọ Thiên Chúa Giáo Đông Á Tinh Thần Sinh Hoạt Nghiên Cứu Tập Sở.

Năm 1977, đảm nhiệm viện trưởng Viện Nội Học Trung Quốc.

Năm 1979, đảm nhiệm viện trưởng Viện Tịnh Độ Thật Tiễn Trung Quốc.

Ngài trước sau sáng lập Hội Hoa Tạng Pháp Thí, Thư Viện Thị Thính Phật Giáo Hoa Tạng, Hội Gây Quỹ Phật Đà Giáo Dục, Tịnh Tông Học Hội Hoa Tạng v.v...,

tổ chức Phật Giáo Giáo Dục và mấy chục ngôi đạo tràng chuyên tu chuyên hoằng pháp môn tịnh độ. Ngài là người tiên phong trong việc sử dụng hệ thống truyền thanh, đài truyền hình, truyền hình vệ tinh, mạng lưới thông tin toàn cầu, dùng phương tiện truyền thông hiện đại để truyền bá chánh pháp, đẩy mạnh nền giáo dục của Phật Đà.

In Đại Tạng Kinh miễn phí biếu tặng, ấn tống những loại sách thiện của nhà Nho, như Tứ Thư Ngũ Kinh, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v... Những loại sách này khuyên người đoạn ác tu thiện, nâng cao phẩm chất lương thiện, khôi phục lại tâm tánh, đề xướng đạo đức, cải thiện phong hóa xã hội, hoằng dương kinh sách và tạo ra âm tượng có liên quan văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

Mấy chục năm nay đã ấn tống các loại kinh luận sách thiện lên đến hơn mười triệu cuốn, còn in rất nhiều hình chư Phật Bồ Tát và lịch đại Tổ Sư Đại Đức mấy triệu tấm, các loại máy niệm Phật, băng niệm Phật, biếu tặng lưu thông trên toàn thế giới.

Năm 1977, Ngài bắt đầu nhận lời mời thuyết giảng ở hải ngoại đẩy mạnh nền giáo dục của Phật Đà. Chỉ rõ phương châm nền giáo học của Đại Thừa chủ yếu là phá trừ mê tín, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, khai phát chân trí huệ, khiến cho xã hội đại chúng hiểu rõ chân vọng, chánh tà, đúng sai, thiện ác, lợi hại, để xây dựng lý trí, đại giác, phần phát, tiến thủ, lạc quan, tạo một lý tưởng nhân sanh quan vũ trụ quan, thì mới có thể giải quyết được tất cả khổ nạn của chúng sanh, đạt được mục tiêu giáo dục hạnh phúc chân thật vĩnh hằng, cứu cánh viên mãn.

Vì muốn để cho cái lý tưởng này thực hiện được, nên Ngài trước sau ở Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba, Mã Lai Á, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi, Tây Ban Nha, Anh Quốc v.v... đề xướng chỉ đạo thành lập có hơn năm mươi ngôi đạo tràng Tịnh Tông Học Hội, đảm nhiệm chức vụ cố vấn hoặc đạo sư của mấy chục đoàn

thể Phật Giáo và đoàn thể xã hội. Cùng năm, Ngài còn đề xướng chỉ đạo cho con cháu người Trung Hoa khắp trên thế giới nên xây dựng Trung Hoa Dân Tộc Bá Tánh Tông Từ (đền thờ tổ tông), hy vọng cách giáo hóa này, khiến cho mọi người đều biết Thành, Tín, Trung, Kính, Hiếu Đạo, Luân Thường Đạo Lý, Thuần Phong Mỹ Tục, Hưng Long Quốc Vận, Thực Hiện Thái Bình. Ngài cũng nghĩ rằng Văn Ngôn Văn (cổ văn), là quá khứ, hiện tại, vị lai, ba đời cùng chung thông dụng ngôn ngữ văn tự, văn hóa Trung Hoa rất độc đáo khác thường, là một nền văn hóa trên thế giới phát minh vĩ đại nhất, cũng là mấy ngàn năm bảo tàng trí huệ của nhân loại, cùng với người hiện đại kết tinh thành một thể. Mỗi một người là con cháu của Viêm Hoàng (tổ tiên của người trung hoa), đều phải có trách nhiệm nghĩa vụ đem nền văn hóa này tiếp tục truyền thừa, phát dương quang đại.

Năm 1985, Ngài di cư sang Hoa Kỳ, thời gian Ngài hoằng pháp trên đất Mỹ, do bởi Ngài có sự liên hệ đoàn kết với các chủng tộc, xã hội được an hòa, nâng cao phương diện đạo đức, có sự cống hiến rất nổi bật, tháng 8 năm 1995, Ngài được tiểu bang Texas nước Mỹ phong tặng Công Dân Danh Dự của tiểu bang, và thành phố Dallas cũng phong tặng Công Dân Danh Dự của thành phố. Thời gian hoằng pháp ở đây, đã từng được mời đi giảng ở trường Đại Học Lý Công Tân Gia Ba, trường Đại Học tiểu bang Maine nước Mỹ, trường Đại Học Deanza-College tiểu bang Texas, trường Đại Học Hawaii, và các trường Đại Học ở Úc Châu như Melbourne, Sydney, Queensland v.v... Ở các nước á châu như trường Đại Học Phụ Nhân Đài Loan, trường Đại Học Văn Hóa Trung Quốc, trường Đại Học Thành Công, trường Đại Học Trung Sơn v.v... và đài truyền thanh, trên đài truyền hình thì có chương trình thuyết giảng Phật học chuyên giảng đề tài. Ngài đi đến nơi nào thuyết giảng cũng có rất nhiều thính chúng lắng nghe pháp âm, pháp duyên của Ngài rất thù thắng, được tứ chúng đệ tử hết lòng ủng hộ.

Tháng 5 năm 1995, được sự chỉ đạo của Ngài, Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Tân Gia Ba và Tịnh Tông Học Hội liên kết sáng lập Lớp Bồi Huấn Nhân Tài Hoàng Pháp, và chỉ dạy công việc giáo học hằng ngày.

Tháng 5 năm 1998, ở Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Tân Gia Ba bắt đầu tuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng đồng thời tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ.

Từ năm 1998, ở Úc Châu và Tân Gia Ba hai nơi này tích cực đẩy mạnh lý niệm văn hóa đa nguyên, xúc tiến hòa bình, xã hội an định. Ngoại trừ ra ở Tân Gia Ba chủ động đi thăm viếng các đoàn thể Tôn giáo và trợ giúp sự nghiệp từ thiện xã hội, ở Úc Châu tham gia diễn đàn tôn giáo, trợ giúp trường Đại Học Griffith thành lập Trung Tâm Văn Hóa Đa Nguyên, và trường Đại Học Queensland thành lập Học Viện Nghiên Cứu Giải Quyết Xung Đột và Hòa Bình.

Tháng 5 năm 2000, nhận lời mời của Cục Tôn Giáo Trung Quốc, Ngài cùng với những vị lãnh tụ của chín đại tôn giáo Tân Gia Ba, đi thăm viếng các đại đoàn thể tôn giáo Trung Quốc, xây dựng mối quan hệ thân thiện.

Tháng 1 năm 2001, bắt đầu ở Úc Châu dự bị xây dựng Tịnh Tông Học Viện, để bồi dưỡng trau dồi càng nhiều nhân tài Phật Giáo cho hàng hậu học. Ngài hiện cư ngụ tại Úc Châu, ngoại trừ mỗi ngày bốn tiếng đồng hồ ở trong phòng ghi hình tuyên giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng thường đi Hồng Kông và Tân Gia Ba hoằng pháp.

Tháng 5 năm 2002, được trường Đại Học Griffith mời làm Giáo Sư Danh Dự, tháng 6 được trường Đại Học Queensland mời làm Giáo Sư Khách Tọa, và được thành phố Toowoomba phong tặng Công Dân Danh Dự của thành phố.

Giữa tháng 8 năm 2002, được trường Đại Học Griffith phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.

Tháng 7 năm 2003, với chức phận Giáo Sư đại biểu trường Đại Học Griffith đến Thái Lan tham gia Hội Nghị Thế Giới Hòa Bình Liên Hiệp Quốc.

Tháng 4 năm 2004 được trường Đại Học Queensland Úc Châu phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.

Tháng 6 năm 2004, bộ tôn giáo Indonesia tổ chức thành đoàn phỏng vấn lãnh tụ tôn giáo, thỉnh mời Ngài làm Cố Vấn Danh Dự, đi thăm viếng Ai Cập, Ý Đại Lợi và Vatican, nhờ vào thông qua tôn giáo giao lưu tiến đến tìm hiểu với nhau, cùng xây dựng ý thức chung. v

Tháng 8 năm 2004, được trường Đại Học Châu Lập Islam Giáo Indonesia phong tặng Tiến Sĩ Danh Dự.

Tháng 8 năm 2004, được mời tham gia Hội Nghị Quốc Tế do Liên Hiệp Quốc Giáo Khoa Văn tổ chức cử hành tại Okayama Nhật Bản, và phát biểu chuyên giảng đề tài.

Tháng 6 năm 2005, do bởi Ngài tích cực đẩy mạnh nền văn hóa đa nguyên, tôn giáo hòa hài, liên hệ đoàn kết chủng tộc và nỗ lực công việc giáo dục thế giới, được Nữ Hoàng Anh Quốc ban tặng Huân Chương AM.

PHẬT GIÁO LÀ GÌ?

PHẦN VẤN ĐÁP

Câu hỏi 1: *Trước tiên xin thỉnh pháp sư, Phật giáo rốt cuộc là gì? Phật giáo có phải là tôn giáo hay không? So với các tôn giáo khác có điểm nào khác biệt?*

Vấn đề này nếu nói ra sẽ rất dài. Năm xưa khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn ở đời, hành nghi của Thế Tôn cùng Khổng Lão phu tử Trung Quốc rất giống nhau. Nếu nói sự khác biệt, thì Khổng tử năm xưa đích thực muốn cầu quan vị để phát huy học thuật, còn Phật Thích Ca Mâu Ni bản thân ngài là vương tử. Ngài có thể phế bỏ vương vị, chuyên tâm làm công tác giáo dục. Do đây mà biết, giáo học xác xác thực thực là việc lớn của quốc gia xã hội.

Trong điển tịch Trung Quốc, như trong Lễ ký và Học ký nói: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, muốn kiến lập một chính quyền lãnh đạo quốc gia, việc then chốt nhất chính là công tác giáo dục. Cho nên Khổng Tử cả đời từ giáo dục mà trở thành một nhà giáo dục vĩ đại. Phật Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vậy, ngài là một nhà giáo dục lớn. Phật pháp là giáo học, không phải tôn giáo. Qua cách xưng hô trong nhà Phật hiện tại, chúng ta cũng có thể biết. Ví dụ, chúng ta gọi Phật là bổn sư, bổn sư chính là lão sư khai sáng của chúng ta.

Thông thường, người xuất gia được gọi là hòa thượng, “hòa thượng” là tiếng Ấn Độ, ý nghĩa của nó là “thân giáo sư”, chỉ vị lão sư đích thân dạy bảo ta, chúng ta mới gọi hòa thượng. Cho nên hòa thượng có quan hệ rất mật thiết với quá trình học hành của chúng ta. Hòa thượng không nhất định phải là người xuất gia. Người tại gia khi dạy bảo chúng ta cũng là hòa thượng. Ngày xưa, tôi theo học Phật với lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm. Lão cư sĩ là người tại gia, đối với tôi, ông là hòa

thượng, cho nên tôi gọi hòa thượng, bởi vì ông đã đích thân dạy tôi, có mối quan hệ rất gần gũi, thân thiết với tôi. Do đó, hòa thượng là tên gọi chung, không luận nam nữ già trẻ, cũng không luận xuất gia tại gia. “Pháp sư” là tên gọi chung, nếu không trực tiếp dạy thì chúng ta gọi họ là pháp sư. Còn “tỳ kheo”, “tỳ kheo ni”, “sa di”, “sa di ni” là cách gọi người xuất gia.

Câu hỏi 2: *Vừa rồi ngài nói, Phật giáo không phải là tôn giáo mà là giáo dục. Vậy nội dung của nó có những thứ gì? Hơn nữa mục tiêu giáo học của Phật giáo là những gì?*

Nội dung của Phật giáo rất rộng lớn, đối với giáo học của nhà Nho chúng ta đã cảm thấy nó rộng lớn rồi, vì nó bắt đầu từ thai giáo rột ráo đến sau cùng, cho nên nó là giáo dục một đời viên mãn. Nhưng giáo học của Phật pháp còn rộng lớn hơn so với nhà Nho. Phật pháp biết được tất cả chúng sanh có đời quá khứ, đời vị lai; quá khứ vô cùng, vị lai vô tận. Từ trên thời gian mà nói thì Phật pháp là không bờ mé; từ không gian mà nói thì Phật pháp biết được cả vũ trụ này, không chỉ riêng quả địa cầu của chúng ta mà là cả hệ tinh cầu. Trên kinh luận Phật thường hay nói, giống như tinh cầu, tinh hệ trong thái không nhiều vô kể. Do đó, nội dung giáo học của ngài là tận hư không khắp pháp giới. Chúng ta phải thấu hiểu một cách triệt để đối với khắp hư không pháp giới, không những đối với sự việc trước mắt mà đối với quá khứ vị lai cũng phải tường tận. Những việc này có thể làm được không, nhất là chuyện quá khứ vị lai làm sao có thể thông hiểu? Phật pháp khẳng định “có thể”, bởi vì cái “có thể” này là bản năng của chúng ta, không phải từ bên ngoài học được.

Phật nói, khởi nguồn của sinh vật vũ trụ thấy đều từ tự tánh biến hiện ra, cho nên trọng tâm giáo học của ngài chính là “minh tâm kiến tánh” mà nhà thiền đã nói. Chỉ cần bạn đạt đến cảnh giới này thì tất cả sự lý, bạn đương nhiên liền thông suốt.

Do đó “minh tâm kiến tánh” là trọng tâm tu học của Phật pháp, không luận thiên tông, giáo hạ, hiển giáo, mật giáo, chỉ cần là Phật pháp Đại Thừa, đều lấy điểm này làm trọng tâm. Thế nhưng trong các tông phái, danh từ và thuật ngữ không giống nhau, tuy thực chất thì hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn trong tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh”, giáo hạ gọi là “đại khai viên giải”, mật tông gọi là “tam mật tương ưng”, còn tịnh độ thì gọi là “nhất tâm bất loạn”.

Câu hỏi 3: *Xin thỉnh pháp sư, ở phương diện Phật giáo có phải còn phân ra Phật giáo truyền thống, Phật giáo của tông giáo và Phật giáo của học thuật hay không? Thậm chí tương đối không hợp trào lưu là Phật giáo của tà môn ngoại đạo. Có phải có những phân loại này?*

Đây là những hiện tượng gần đây mới xuất hiện. Nói đến truyền thống là nói đến giáo học, đó là sư đạo. Phật giáo bắt đầu từ Thích Ca Mâu Ni Phật, khoảng sau một ngàn năm thì truyền đến Trung Quốc, vào thời kỳ Đông Hán. Lịch sử ghi chép, thời kỳ Hán Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười, cũng là công nguyên năm 67, Phật giáo chính thức tiếp nhận thỉnh mời của triều đình Trung Quốc mà đến. Sau khi đến Trung Quốc, người ta đã mang tượng Phật, mang kinh điển tiếp xúc với triều đình và dân dã.

Người Trung Quốc cảm thấy khê cơ nên rất hoan nghênh, bởi vì giáo dục này cùng với giáo dục của nhà Nho từ trên nền tảng mà nói là hoàn toàn giống nhau. Giáo dục truyền thống của Trung Quốc xây dựng trên nền tảng hiếu đạo, Phật pháp cũng xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Ngoài ra còn rất nhiều quan niệm cơ bản khác tương ưng. Nhưng nhà Nho chỉ nói đến nguyên tắc, còn nhà Phật thì nói thấu triệt, rõ ràng hơn, đích thực có thể cùng với Nho đạo Trung Quốc hỗ trợ lẫn nhau, cho nên Phật giáo được triều đình và dân dã hoan nghênh nhiệt liệt.

Vì vậy Phật giáo liền được lưu giữ, bén rễ đâm chồi, khai hoa kết quả ở Trung Quốc, thậm chí còn vượt xa hơn Ấn Độ. Khi Phật giáo phát triển đến thời đại nhà Đường thì hình thành giáo dục chính quy, gọi là chế độ Tông Lâm, tương đương giáo học của đại học hiện tại, nó là nét đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Trong Tông Lâm, sự phân phối công việc rất giống đại học hiện đại. Chủ tịch Tông Lâm là hiệu trưởng đại học, hòa thượng thủ tọa tương đương với giáo vụ trưởng, duy na tương đương với huấn đạo trưởng, giám viện tương đương với tổng vụ trưởng. Tính chất làm việc đều giống nhau, nó cũng có một cơ cấu học thuật hoàn chỉnh, không liên quan gì với tôn giáo.

Trong kinh điển, chúng ta xem các tác phẩm trước tác thấy có tông giáo, Phật giáo có tông giáo, đây chỉ là cách xưng hô. Tông giáo khác với tôn giáo trong xã hội hiện tại. Phật giáo gọi tông tức là chỉ thiên tông, chúng ta gọi tông môn. Ngoài thiên tông xưng tông ra, mỗi tông phái cũng giống như phân khoa của trường học, đều xưng là giáo. Cho nên “tông môn giáo hạ”, hai chữ “tông môn” này bao gồm tất cả Phật pháp trong đó, khác với cách người hiện tại thường gọi là tôn giáo.

Câu hỏi 4: *Hiện tại người ta luôn dùng hai chữ “mê tín” gắn lên Phật giáo, vậy quan điểm này có đúng không? Xin pháp sư vì mọi người đính chính lại?*

Tông chỉ của Phật giáo là phá mê khai ngộ, vậy mới có thể đạt lìa khổ được vui. Phật nói, “chúng sanh khổ nạn”, khổ nạn từ đâu mà ra? từ mê. Mê cái gì? mê mất đi chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Vũ trụ là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sanh chính là ta. Nói cách khác, bạn mê mất đi chính mình, mê mất đi chân tướng hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình. Thế là cách nghĩ, cách nhìn của bạn liền có sai lầm. Nghĩ sai thấy sai thì sẽ làm sai. Làm sai có quả báo sai lầm hiện tiền, bạn nhất định phải gánh chịu, không phải người khác gây cho bạn mà do bạn tự làm tự chịu. Cho nên Phật giáo, nếu muốn đạt đến lìa khổ được vui, phải làm

đến phá mê khai ngộ, chân thật nhận rõ chính mình, nhận rõ chân tướng hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, vấn đề mới có thể giải quyết triệt để.

Câu hỏi 5: *Đương nhiên nếu muốn đạt đến được cảnh giới này là việc không dễ dàng. Vừa rồi pháp sư nói, Phật giáo kỳ thực là một loại giáo dục, nội dung của nó cùng với thể chế của trường học hoàn toàn giống nhau, có huấn đạo, có giáo vụ, có tổng vụ. Vậy một người muốn học Phật, họ phải bắt tay từ đâu?*

Phật cùng giáo học cổ xưa của Trung Quốc hoàn toàn giống nhau, nhất định phải từ việc thân cận một lão sư tốt mà bắt tay vào, Phật pháp gọi là thân cận thiện tri thức. Trong kinh điển, Phật đã nói một cách tường tận, nếu bạn muốn tu học Phật pháp, muốn tiếp nhận giáo dục của Phật, bạn nhất định phải thân cận minh sư. Chữ “minh” không phải là tên tuổi cao lớn, mà là minh của quang minh, minh của minh bạch, một vị lão sư chân thật có đạo đức, có học vấn. Thân cận họ, bạn mới có thể học được những lời dạy bảo của Phật Đà.

Câu hỏi 6: *Thân cận một vị lão sư tốt, có phải thông thường thế gian chúng ta gọi là quy y không? có liên quan gì với vấn đề này không?*

Việc này cũng không hoàn toàn liên quan. Quy y là một giai đoạn học Phật cần phải có. Ý nghĩa của quy y là lão sư tốt, chúng ta nhất định phải thân cận. Lão sư tốt đem tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu học Phật pháp truyền thụ cho chúng ta, gọi là quy y. Quy là bảo chúng ta quay đầu, y là nương tựa. Quay đầu từ chỗ nào? Ngày xưa chúng ta mê hoặc điên đảo, tà tri tà kiến, thân tâm cả thấy đều ô nhiễm nghiêm trọng, cho nên quy y dạy chúng ta từ mê quay đầu lại, phải nương giác ngộ, phải từ tri kiến sai lầm quay đầu nương vào chánh tri chánh kiến; từ bỏ tất cả ô nhiễm quay đầu nương vào tâm thanh tịnh. Đây là điều kiện cơ bản để học Phật, bạn nhất định phải từ mê hoặc tà nhiễm quay đầu lại, nương vào Giác Chánh Tịnh.

Mê Tà Nhiễm là chính mình, Giác Chánh Tịnh vẫn là chính mình. Cho nên chân thật quy y là quy y tự tánh Tam Bảo. Giác Chánh Tịnh chính là Tam Bảo.

Câu hỏi 7: *Quy y một vị, thân cận một vị pháp sư thì tốt, hay quy y càng nhiều càng tốt?*

Đây là quan niệm hoàn toàn sai lầm. Quy y không có một vị pháp sư, cũng không có rất nhiều pháp sư. Quy y ở đây chỉ là đem tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu học của Phật giáo truyền thụ cho bạn. Quy y là quy y tự tánh Tam Bảo, không phải quy y người bên ngoài, thậm chí cho đến Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không liên quan. Bạn nói: “Tôi quy y Phật Thích Ca Mâu Ni” là sai lầm lớn, làm gì có đạo lý này. Phật Thích Ca Mâu Ni không hề nói “Người phải quy y ta”. Phật dạy bạn phải quy y tự tánh giác của bạn. Giác chính là Phật Bảo, cho nên ý nghĩa của Phật là ý nghĩa của sự giác ngộ. Quy y Phật là giác ngộ, nói cách khác, bạn phải nương vào lý trí, không nên y theo tình cảm mà làm việc. Lý tánh là giác, cảm tình là mê. Bảo bạn quy y Phật là dạy bạn đối nhân xử thế tiếp vật ngay trong cuộc sống thường ngày, phải dùng lý tánh không nên dùng tình cảm.

Thử nghĩ xem, cái lý tánh này cùng với cảm tình, cùng với Phật, với pháp sư có quan hệ gì? Không hề quan hệ. Nếu chúng ta nói quy y một người nào đó, vậy thì sai lầm. Con người, cụ thể vị lão sư chỉ đại diện cho tăng đoàn để truyền thụ Tam Quy cho chúng ta. Chúng ta quy y toàn thể tăng đoàn, vị thiện tri thức nào cũng là lão sư của ta, không nên nhận riêng một người, như thế, cái tâm lượng của bạn mới rộng lớn, phân biệt chấp trước của bạn mới có thể đột phá ra được, bạn mới có lợi ích chân thật.

Thế còn học pháp thì sao? Nhất định phải học với một vị lão sư. Một lão sư dạy bạn một con đường, hai lão sư thì biến thành hai con đường, hoặc ba vị lão sư thì ngã ba đường, bạn đâm ra lúng túng, không biết đi đường nào. Cho nên tu học ban

đầu, Nho và Phật đều dạy chỉ nên theo một lão sư, học lời của một người. Đến khi trí tuệ của bạn khai mở, bạn có năng lực phân biệt chân vọng, phân biệt thị phi, tà chánh, vị lão sư liền vui mừng, nhất định sẽ để bạn đi tham học. Còn chưa có năng lực, khi bạn vừa tiếp xúc, phiền não liền khởi, bạn không biết bắt đầu đi từ đâu, lúc này lão sư nhất định bảo hộ bạn, không để bạn ra ngoài. Họ phải bồi dưỡng bạn, đây mới là lão sư có tinh thần trách nhiệm cao.

Câu hỏi 8: *Chúng ta biết phương diện tu học của Phật pháp mênh mông rộng lớn. Xin pháp sư vì chúng tôi khai thị thêm một chút, khóa mục tu học của Phật pháp có những thứ nào tốt?*

Giáo học của Phật pháp trên bản thân nó phân làm năm giai đoạn, từ cạn vào sâu, tuần tự mà tiến. Kinh điển ghi chép, từ rất sớm Phật đã giảng nói kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Bộ kinh này Phật ở trong định mà nói ra. Tham dự pháp hội đều là bậc đại Bồ tát, không phải người thông thường. Ở lần này, Phật đem toàn bộ chân tướng của vũ trụ nhân sanh mà giảng giải, đương nhiên nội dung rất sâu rộng. Mãi đến sau khi Phật diệt độ 600 năm, một vị Bồ tát Long Thọ từ Long Cung xem hết bộ kinh Hoa Nghiêm, số lượng rất lớn, rất khó nhớ, việc này tuyệt đối không phải người thế gian chúng ta có thể tiếp nhận được. Bồ tát Long Thọ sau khi xem hết toàn bộ, lại xem đến quyển trung, quyển hạ, đã thực hiện việc tiết lược. Tiết lược xong mà vẫn thấy còn rất rộng, cần phải có một quyển đơn giản hơn. Ngài xem đến sau cùng, thấy quyển hạ Hoa Nghiêm, cho rằng quyển này người thế gian chúng ta có thể đọc tụng và tiếp nhận, nên liền đem nó truyền đến thế gian. Sau khi truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc dịch thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm mà hiện tại mọi người đang đọc tụng. Bộ kinh này thực tế là tóm lược của kinh Hoa Nghiêm. Cũng giống như Tứ Khố Toàn Thư của Trung Quốc. Mọi người đều biết Tứ Khố Toàn Thư rộng lớn như biển, thế nhưng Tứ Khố có mục lục tóm lược. Phân lượng này ít đi rất nhiều. Hiện tại chúng ta đọc kinh Hoa

Nghiêm cũng giống như mục lục tóm lược của Tứ Khố vậy. Cho dù là mục lục tóm lược nhưng cũng không được hoàn chỉnh. Dường như chúng ta chỉ có một phần hai nguyên bản, còn lại một phần hai đáng tiếc đã bị thất truyền, ngay đến nguyên bản hiện tại cũng tìm không ra. Có thể nói bản kinh Hoa Nghiêm hoàn chỉnh, hiện tại là bản dịch của Trung Quốc, rất đáng quý.

Sau khi Phật từ trong định ra, Ngài nói hết cảnh giới mà Ngài chứng được. Vậy, để khế hợp với căn tánh chúng sanh ở thế gian này, Ngài giảng kinh A Hàm như lớp tiểu học. Từ A Hàm tiến lên một bậc là Phương Đẳng như lớp trung học. Từ Phương Đẳng tiến vào Bát Nhã, như đại học. Thời gian giảng kinh Bát Nhã rất dài, hết hai mươi hai năm. Chúng ta biết Phật Thích Ca Mâu Ni ở đời, giảng nói kinh pháp tổng cộng bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, Ngài dùng hai mươi hai năm để giảng Bát Nhã. Cho nên Bát Nhã là trung tâm của Phật pháp, là khóa trình chủ yếu của Ngài. Kinh Bát Nhã trong kinh điển Trung văn hiện tại của chúng ta phân lượng cũng rất lớn, tổng cộng có sáu trăm quyển. Cuối cùng Ngài giảng kinh Niết Bàn mất tám năm, giống như nghiên cứu sở. Rồi quay trở lại cảnh giới của Hoa Nghiêm. Do đây mà biết, Phật giảng kinh nói pháp có thứ lớp, có phương tiện vô cùng khéo léo.

Câu hỏi 9: *Chúng tôi biết được phương diện tu học của Phật pháp là ngay trong năm khóa mục lớn, dường như có cái gì là tam phước, sáu phép hòa kính, tam học, lục độ, mười nguyện. Những thứ này chúng tôi không thông hiểu lắm, có thể mời pháp sư vì chúng tôi khai thị được chăng?*

Đó là nói đến tu hành của cá nhân, còn vừa rồi chúng ta nói đến giáo học của Phật. Giáo học của Ngài phân làm năm giai đoạn, kinh luận giảng giải trong mỗi giai đoạn rất phong phú. Cho đến tu học của cá nhân, Phật cũng đều giảng cho chúng ta rất rõ ràng, từ tam phước mà khởi đầu. Tam phước được Phật nói trong kinh Quán

Vô Lượng Thọ, thực tế vô cùng quan trọng, hoàn toàn giống tư tưởng giáo học của nhà Nho.

Phật nói phước thứ nhất là phước báu nhân thiên, hay nói cách khác, nếu bạn muốn làm Phật Bồ tát, là làm một người minh bạch. Phật Bồ tát đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh thấu hiểu triệt để. Làm Phật Bồ tát không phải đi làm thần tiên, vì như thế thì biến thành tôn giáo. Một người hiểu rõ được vũ trụ nhân sanh, loại người này gọi là Phật, Bồ tát. Phật thấu suốt triệt để viên mãn. Còn Bồ tát thấu suốt nhưng chưa đạt đến cứu cánh viên mãn, so với trí tuệ thông suốt của Phật còn kém một bậc. Tuy nhiên họ đều là người minh bạch. Chúng ta phải mong cầu, phải phát nguyện vọng làm một người minh bạch, không nên làm người hồ đồ, phàm phu.

Phật dạy bảo chúng ta phải bắt đầu từ đâu? từ “hiếu thuận cha mẹ”. Việc này cùng với dạy bảo của nhà Nho cũng hoàn toàn giống nhau, cho nên phước thứ nhất chính là phước báu nhân thiên. Trước tiên chúng ta phải làm người tốt, sau đó mới có thể học Phật. Trong phước báu nhân thiên, Phật nói bốn điều. Thứ nhất “hiếu dưỡng cha mẹ”, thứ hai “phụng sự sư trưởng”, thứ ba “từ tâm bất sát”, thứ tư “tu mười nghiệp thiện”, đây là đại căn đại bản của việc học Phật. Phạm vi của chữ hiếu sâu rộng vô cùng, đặc biệt trong văn tự Trung Quốc, chúng ta nên trân trọng. Tổ tiên cổ đại đối với hậu thế đã hết sức chăm sóc chúng ta về mọi mặt. Trí tuệ của họ, kinh nghiệm của họ, làm thế nào để truyền lại cho con cháu đời sau? Họ quá chu đáo khi dùng văn tự làm công cụ truyền lại kinh nghiệm trí tuệ cho đời sau. Công cụ này tràn đầy trí tuệ mà văn tự dân tộc quốc gia khác không tìm thấy được.

Trong chế tác văn tự Trung Quốc có sáu nguyên tắc, chúng ta gọi là lục thư. “Hiếu” là hội ý một trong sáu nguyên tắc đó. Cái phù hiệu này bên trên là chữ lão, bên dưới là chữ tử, bạn thử hội xem, ý nghĩa đời trước cùng với đời sau là một thể, tinh thần của chữ hiếu xây dựng trên nền tảng này. Cho nên hiện tại người ngoại

quốc gọi là đại câu, đại câu là bất hiếu, đời trước với đời sau bị cách khoảng. Đời trước còn có đời trước, đời sau cũng có đời sau nữa, quá khứ vô cùng vị lai vô tận, đây mới là một chỉnh thể. Do đó người Trung Quốc kỷ niệm tổ tông mấy ngàn năm trước, vẫn nhớ tưởng, vẫn còn thờ cúng, người ngoại quốc không hiểu được đạo lý này. Thế nên nhà Nho cùng giáo học của Phật pháp đều xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Nói cách khác, thành Phật cũng vậy, chính là đem hiếu đạo làm đến viên mãn thì thành Phật.

Câu hỏi 10: *Sau khi nghe khai thị của pháp sư, chúng tôi hiểu kỳ thực toàn thể Phật học chính là hiếu đạo. Hiếu đạo chiếm địa vị tương đối quan trọng trong Phật pháp. Thưa pháp sư! Chúng tôi biết sáu phép hòa kính trong Phật pháp cũng có một mối xích tương đối quan trọng, xin pháp sư khai thị về sáu phép hòa kính?*

Sáu phép hòa kính là Phật dạy chúng ta thái độ làm thế nào trong một đoàn thể có thể làm được, Ngài dạy chúng ta nguyên tắc để sống chung với đại chúng. Điều thứ nhất của lục hòa là “kiến hòa đồng giải”, dùng lời hiện đại mà nói, đôi bên phải xây dựng cùng hiếu. Ngạn ngữ có câu: “gia hòa vạn sự hưng”, người một nhà cùng nhau sinh sống, nếu có nhận thức giống nhau, cách nghĩ giống nhau, đồng nỗ lực, thì gia đình này đương nhiên sẽ hưng thịnh. Một quốc gia cũng vậy, cho nên xây dựng cùng hiếu là điều hiện tại mỗi đoàn thể phổ biến đều đang nói đến.

Điều thứ hai là “giới hòa đồng tu”, ý nghĩa của điều thứ hai này chính là phải tuân thủ pháp luật. Giới là quy củ. Mỗi người đều tuân thủ pháp luật, quốc gia có quốc pháp, gia có gia quy, công ty xí nghiệp cũng có nội quy, người người đều tuân thủ, đều tận trách nhiệm, thì sự nghiệp mới có thể hưng vượng.

Ba điều tiếp theo là “thân hòa cùng ở”, “khẩu hòa vô tranh”, “ý hòa cùng vui”. Có nghĩa, đôi bên cùng ở một chỗ hòa thuận. Điều sau cùng cũng rất quan trọng, “lợi hòa cùng chia”, nói trên phương diện đời sống vật chất là làm thế nào có thể đạt

đến bình đẳng, không khác biệt. Phương cách sống này tuy lý tưởng nhưng rất khó đạt đến. Ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật nói về lợi hòa cùng chia, chính là cách sống lục hòa. Do đó Phật pháp chân thật là đời sống tự do dân chủ bình đẳng, một lý tưởng cao độ của nhân loại.

Câu hỏi 11: *Tam học về phương diện tu học của Phật pháp gọi là giới định huệ. Giới chính là vừa rồi pháp sư đã nói, vậy định và huệ thì giải thích như thế nào?*

Tam học là trung tâm giáo học của Phật pháp. Khóa trình bằng kinh điển của Phật giáo tuy nhiều, nhưng nó có hạt nhân trung tâm không thể trái. Hạt nhân này là giới định huệ, còn gọi tam học. Bất cứ bộ kinh điển nào, không luận đại bộ tiêu bộ, khi vừa mở ra đều đầy đủ ba hạt nhân này, nhưng nó nghiêng nặng về bên nào thì không giống nhau. Có cái nghiêng nặng về giới, có cái nghiêng nặng về định, hoặc nghiêng nặng về huệ, nhưng nhất định đều phải nói đến. Giới học nếu hiểu nghĩa rộng thì đó chính là phương pháp. Không luận làm bất cứ việc gì, đều phải có phương pháp, có trình tự, bạn phải tuân thủ. Bạn không tuân thủ phương pháp thì sẽ không đạt được hiệu quả tốt. Giữ giới pháp và tinh thần giữ giới pháp thì tâm của bạn mới có thể định. Định là không bị ngoại cảnh bên ngoài làm dao động, tâm bạn có chủ trương, có chủ thể. Từ định liền khai trí tuệ, bạn có chủ thể, có chủ trương, nhất định bạn sẽ đem chân tướng sự thật xem cho rõ ràng, chu đáo. Do đó giới định huệ là tông cương lĩnh mà Phật giảng kinh nói pháp giáo hóa tất cả chúng sanh.

Câu hỏi 12: *Quan hệ của nó cũng mật thiết không thể phân?*

Đúng, mật thiết không thể phân.

Câu hỏi 13: *Còn Lục Độ thì giảng giải như thế nào?*

Lục độ là quy tắc chung Phật dạy chúng ta đối nhân xử thế tiếp vật. Sáu nguyên tắc này cần phải vâng giữ, không luận thân phận bạn như thế nào, không luận bạn trải qua đời sống như thế nào, từ công việc nghề nghiệp nào, không luận tại gia hay xuất gia, nhất định đều phải tuân thủ. Đó gọi là Bồ tát đạo, nghĩa là, nếu bạn muốn làm Bồ tát thì bạn nhất định phải vâng giữ sáu nguyên tắc này.

Điều thứ nhất là bố thí, ý nghĩa của sự bố thí dạy bạn buông xả, không phải buông bỏ công tác, mà buông bỏ những phiền não dính mắc ưu tư trong lòng. Hiện tại có rất nhiều người hiểu sai, cho rằng bố thí là đến chùa miếu cúng một ít tiền, làm chút việc tốt, đương nhiên đây cũng là bố thí, nhưng không phải ý nghĩa chân thật của sự bố thí. Bố thí chân thật là xả bỏ phiền não ưu tư vọng tưởng phân biệt chấp trước.

Điều thứ hai là trì giới, chính là tuân thủ pháp. Nhất định không luận làm bất cứ việc gì, đều phải chiếu theo pháp tắc, theo thứ tự mà làm.

Điều thứ ba là nhẫn nhục. Làm bất cứ việc gì, nếu không có lòng nhẫn nại thì không thể thành công. Sự việc càng lớn thì lòng nhẫn nại phải càng lớn hơn.

Điều thứ tư là tinh tấn, cầu tiến bộ, nhất định không bảo thủ, không thể được ít cho là đủ. Cũng như khoa học ngày càng tiến bộ, nếu bạn không tiến bộ thì bạn liền bị thời đại đào thải. Phật pháp mong cầu tiến bộ, không luận ở đức hạnh, trí tuệ, kỹ thuật, thậm chí ngay trong đời sống, đều phải không ngừng hướng lên cao. Do đó Phật pháp không hề lạc hậu, nó không hề thủ cựu, mà vĩnh viễn đang tiến bộ.

Điều thứ năm là thiên định, ý nghĩa của thiên định dạy bạn có chủ thể, không dễ dàng bị cảnh giới bên ngoài dao động.

Điều sau cùng là trí tuệ. Không có trí tuệ cao độ, không luận bạn làm bất cứ việc gì, đều không đạt đến viên mãn. Cho nên sáu nguyên tắc này nhất định phải vâng giữ, đặc biệt đối với Bồ tát.

Câu hỏi 14: *Vừa rồi ngài nói đến bố thí làm cho chúng tôi có được quan niệm chính xác, thì ra bố thí tuyệt đối không phải đi đến nơi nào đó quyên một ít tiền, hay đi cứu trợ người bần khổ. Kỳ thật bố thí dạy chúng ta buông bỏ phiền não, buông bỏ những tạp niệm trong tâm. Thế nhưng thưa pháp sư, điểm này đối với người thông thường chúng tôi tương đối khó, bởi vì người thông thường có quá nhiều phiền não tạp niệm, chính mình không thể khống chế được. Xin pháp sư dạy bảo, chúng tôi phải làm thế nào mới có thể đạt được điểm này?*

Điều này đích thực rất khó đối với người sơ học. Vì sao họ không thể buông bỏ? Họ có nhìn thấu hay không? Không, họ không thấu suốt được chân tướng của vụ trụ nhân sanh. Giả như triệt để thông suốt chân tướng rồi, tự nhiên họ sẽ liền buông bỏ. Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời giảng kinh nói pháp, vì sao phải giảng kinh Bát Nhã đến hai mươi hai năm. Vì Bát Nhã nói trí tuệ, chính là nói rõ chân tướng của vụ trụ nhân sanh. Hai mươi hai năm Phật tổng kết quy nạp lại thành một bộ tâm kinh hai trăm sáu mươi chữ. Rõ hơn một chút thì kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật mà người Trung Quốc thích đọc có thể đại diện tinh hoa Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói suốt hai mươi hai năm.

Phật nói, tam tâm bất khả đắc gồm tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, và tâm vị lai bất khả đắc. Cái tâm này là năng đắc, một thứ không thể đạt được, đó là hư vọng. Phật nói, tất cả mọi thứ đều do nhân duyên biến hiện, là pháp duyên sanh. Ngày nay chúng ta gọi duyên là điều kiện, có rất nhiều điều kiện tập hợp thành một sự tướng, nó không có tự thể, không có bản thể, thế mới nói “Đương thể giai không liễu bất khả đắc”, phàm hề có tướng đều là hư vọng. Sau

cùng ngài đã tổng kết “Tất cả pháp hữu vi đều như mộng huyễn bọt nước”, tất cả hiện tượng trong vũ trụ vạn hữu đều không phải thật. Nhà khoa học hiện đại đã phát hiện, họ dùng phương pháp phân tích, đem những vật chất này phân thành phân tử, nguyên tử, điện tử. Phân tích đến sau cùng mới biết được chân tướng sự thật vốn như vậy. Trong khi đó, 3000 năm trước Phật đã nói rất rõ ràng ngắn gọn rằng nó không phải thật. “Như sương như ánh chớp”, sương ở đây là hạt sương. Hiện tại chúng ta thấy đang tồn tại một khoảng thời gian, khoảng thời gian này là tướng tiếp diễn, không phải thật tướng. Thật tướng của nó là sát na sanh diệt có thời gian rất ngắn, chúng ta không cách gì phát hiện được. Phật có thể thấy rõ ràng tường tận, cái sanh diệt chính là không sanh diệt, bởi vì thời gian của nó quá ngắn. Sanh là diệt, diệt là sanh. Cho nên Phật pháp nói không sanh không diệt là chân tướng của sanh diệt. Hiểu rõ chân tướng này, thân tâm chúng ta liền buông bỏ nhẹ nhàng, biết tất cả pháp đều không thể được, bạn mới có thể tùy duyên. Tùy duyên thì tự tại, bạn sẽ không phan duyên, không muốn làm cái gì đó rồi tự chuốc lấy cái khổ. Tất cả đều phải tùy duyên, như vậy mới trải qua đời sống tự tại chân thật hạnh phúc mỹ mãn.

Câu hỏi 15: *Phải nhìn thấu chân tướng, hiểu rõ chân tướng, tự nhiên phiền não tạp niệm trong tâm sẽ liền buông xuống. Ngay trong lục độ vừa rồi pháp sư đã nói đến, tôi nghĩ người thông thường cũng rất muốn học thiền định nhưng lại không dễ dàng, xin ngài chỉ dạy?*

Đại sư Huệ Năng tổ thứ sáu thiền tông đã giảng trong Đàn kinh, ý nghĩa của thiền là không dính mắc, nói cách khác, không bị mê hoặc bởi cảnh giới bên ngoài. Định là không động tâm, lòng thường giữ thanh tịnh, không khởi phân biệt, không khởi phiền não, chấp trước. Thực tế đại sư Huệ Năng nghe kinh Kim Cang mà khai ngộ, cho nên ngài giải thích chữ thiền định này y theo kinh Kim Cang. Trong kinh Kim Cang, Phật có hai câu nói: “Bất thủ u tướng, như như bất động”, “bất thủ u tướng”

là thiền, “như như bất động” là định. Do đây mà biết, tu thiền định không phải ngày ngày ngồi đối diện với vách tường. Ngồi đối diện với vách tường chỉ là một loại, kỳ thực đi đứng nằm ngồi bao gồm tất cả hoạt động, chỉ cần bạn ngoài không dính mắc, trong không động tâm, thì chính là bạn đang thiền định.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta xem thấy những vị Bồ tát tu thiền định ở đâu? ngoài chợ. Thương trường náo nhiệt, họ đi dạo thương trường mà tu thiền định, các vị hiểu được ý này thì liền thông suốt. Khi dạo thương trường, họ nhìn thấy rõ ràng tường tận, đó là huệ. Thế nhưng tất cả những thứ thấy đầy mắt kia không thể mê hoặc họ, đây chính là thiền định. Trong lòng họ như như bất động. Cho nên đi dạo thương trường là tu định, tu huệ. Không giống phàm phu nhìn thấy liền bị thu hút. Thiền định là sự hưởng thụ chân thật, định huệ là hưởng thụ cao nhất của nhân sanh.

Thiền định ở ngay trong đời sống. Ngoài không dính mắc, không bị mê hoặc là thiền, trong như như bất động là định. Do vậy chúng ta phải cố gắng tu tập.

Câu hỏi 16: *Kỳ thực Phật chính là đời sống, Phật học cũng là đời sống. Vậy ngay trong năm khóa mục lớn còn có mười nguyện, thừa pháp sư, mười nguyện này là mười nguyện gì? Có quan hệ gì với đời sống của chúng ta không?*

Mười nguyện là pháp tu hành của cao đẳng, không phải phổ thông. Lục độ có thể chân thật làm được viên mãn thì mới có thể tiến vào mười nguyện của Phổ Hiền. Đặc sắc của mười nguyện Phổ Hiền chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Nói cách khác, tâm của bạn không thanh tịnh, không bình đẳng thì bạn không cách gì tu được mười nguyện Phổ Hiền. Trong mười nguyện Phổ Hiền, chẳng hạn nguyện thứ nhất, “Lễ kính chư Phật”, đây là tu cung kính. Chư Phật chỉ tất cả chúng sanh, tuyệt đối không phải nói Phật đã thành Phật. Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, Phật vị lai chính là tất cả chúng sanh. Ngoài những vật hữu tình còn bao gồm

cả thực vật cùng khoáng vật, đây là cảnh giới của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm nói “Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”, không chỉ chúng sanh hữu tình chúng ta và các loài động vật có thể thành Phật mà thực vật, khoáng vật đều thành Phật, cho nên tu tâm cung kính chân thành đối với người, với việc, với vật, chính là hạnh Phổ Hiền. Nếu bạn còn phân biệt, vọng tưởng, thì lòng thành kính của bạn không còn. Dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng để tu lục độ, đó là mười nguyện Phổ Hiền. Chúng ta còn có phân biệt, còn chấp trước, còn cao thấp, vậy thì đó chỉ là lục độ, không phải mười nguyện, điểm khác biệt giữa mười nguyện và lục độ ở chỗ này.

Câu hỏi 17: *Vừa rồi ngài nói rất nhiều về thiền định. Ngài nói, khi đi dạo thương trường cũng có thể tu thiền định, có thể nói xung quanh đời sống chúng ta, bất cứ giờ nào phút nào, bất cứ nơi nào cũng đều có thể tu thiền định, nhìn thấy xã hội trước mắt rối tung, những thứ không vừa ý, chúng ta đều phải không động tâm, không tức giận. Nhưng có phương pháp gì hay không để chúng ta có thể đạt đến được cảnh giới này?*

Kỳ thực không khó. Nhìn thấy một hiện tượng, giả như tức giận, nổi nóng mà bạn có thể giải quyết được vấn đề thì quá tốt. Nhưng tức giận mà không giải quyết được, vậy có phải bạn đã tức giận oan uổng hay sao? Chẳng thà bạn làm cho tâm bình lặng lại, tâm thanh tịnh liền sanh trí tuệ, chỉ có trí tuệ mới giải quyết được vấn đề. Cho nên loại sân hận hay ưa thích là rung động của cảm tình, không ích lợi. Thiền định trí tuệ rất quan trọng, không luận cảnh giới gì, nhất định phải giữ tâm thanh tịnh.

Câu hỏi 18: *Tuyệt nhiên không thể nói định là tiêu cực, không tức giận là tiêu cực, vì thực tế nó làm bạn sanh trí tuệ. Ngay trong bình lặng sanh ra trí tuệ mới có thể giải quyết được vấn đề, đây là ý nghĩa tích cực?*

Đúng vậy!

Câu hỏi 19: *Vừa rồi pháp sư nói đến bố thí là buông bỏ phiền não, buông bỏ tạp niệm trong tâm, đây dường như là chính mình độ chính mình, vậy có nói đến chúng ta độ người hay giúp đỡ người hay không? có những loại bố thí gì?*

Giúp đỡ người khác có tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, gom lại thành ba loại lớn. Tài là chúng ta có dư. Người biết trải qua ngày tháng đời sống tuyệt vời nghĩa là họ tự tại. Không nhất định bạn phải giàu có, hào hoa, chỉ cần bạn tự tại, an vui là đời sống của bạn đã rất mỹ mãn. Chúng ta chỉ cần đủ cơm áo thì tự tại, hà tất phải quá dư. Chỉ cần ăn no mặc ấm, có một căn phòng ngăn gió mưa, thân tâm an ổn. Nếu có dư, chúng ta giúp đỡ người khác, lấy việc giúp người làm vui, phải nhiệt tâm chủ động đi giúp đỡ tất cả mọi người cần được giúp. Giúp đỡ vật chất thuộc về tài bố thí, bố thí không nên dính mắc trong lòng. Nếu tính toán mình đã làm được bao nhiêu việc tốt thì sự tính toán đó chỉ mang lại phước thông thường, không thể sanh trí tuệ. Khi đã bố thí, lòng trong sạch, không lưu lại tí gì, đây là chân thật công đức thành tựu định, huệ của bạn.

Pháp bố thí là khi chúng ta có trí tuệ, có kỹ năng, chúng ta đem trí tuệ kỹ năng của mình truyền thụ cho người khác. Ví dụ chúng ta từ công tác giáo học của Phật đà, mỗi ngày đem những đạo lý này giảng giải cho người thông thường nghe, để họ hiểu, họ giác ngộ, đây thuộc về pháp bố thí. Trong loại bố thí này, nhất định không có báo đáp. Rất nhiều đồng tu biết, những băng đĩa giảng kinh của tôi cho đến tất cả vật xuất bản, thấy đều không có bản quyền. Không có bản quyền chính là bố thí, ai đem đi in hay lưu thông cũng đều tốt, chỉ cần có lợi ích cho xã hội. Nếu ghi có sở hữu bản quyền thì không còn gọi là bố thí nữa mà trở thành làm ăn buôn bán. Cho nên chỉ cần chúng ta nhiệt tâm giúp đỡ xã hội, tuy đã làm, tâm vẫn thanh tịnh, tiêu diêu tự tại, không nên để trong tâm.

Vô úy bố thí là giải quyết khổ nạn của chúng sanh. Chúng sanh có nỗi lo sợ, thân tâm bất an, chúng ta giúp đỡ họ, khiến cho họ thân tâm an ổn, cái này thuộc về vô úy bố thí. Phật nói, quả báo của vô úy bố thí là được khỏe mạnh sống lâu, pháp bố thí được thông minh trí tuệ, tài bố thí được tiền tài. Người thế gian đều muốn có tiền của, thông minh trí tuệ, khỏe mạnh sống lâu, nhưng họ lại không biết cách tu nhân, thế nên những suy nghĩ này đều biến thành vọng tưởng, cứ đi cầu Phật Bồ tát bảo hộ nhất định không thể đạt được gì.

Câu hỏi 20: *Thưa pháp sư, vừa rồi chúng ta nói đến tam phước, ngay trong phước trời người, dường như pháp sư chỉ nói đến phương diện hiếu đạo, có thể mời pháp sư khai thị bổ sung thêm các phương diện khác được không?*

Giáo dục là sư đạo, sư đạo nhất định xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo, do đó hiếu đạo là căn bản. Một người có thể thành công, trở thành người tốt trong xã hội, có công hiến, nhất định đó phải là người nhận sự giáo dục tốt. Giáo dục tốt phải do cha mẹ phối hợp mật thiết với trường học mới có thể dạy ra được một con người. Ví dụ dạy hiếu thảo, cha mẹ không thể nói lời nói này với con cái, “con là con của ta, con phải hiếu thuận với ta”, cho nên, dạy hiếu thuận thuộc về trách nhiệm của thầy giáo và nhà trường. Tương tự, dạy con cái phải tôn kính lão sư, lão sư cũng không thể nói với học sinh, “ta là thầy của con, con phải tôn kính ta, phải tôn sư trọng đạo”, lời nói này cũng không thể nói ra miệng. Cho nên nhà trường và gia đình cần phối hợp.

“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng” là nền tảng cơ bản của giáo dục. Từ chỗ này nâng lên cao, bạn phải có tâm từ bi, quan tâm xã hội, quan tâm đại chúng, thương yêu tất cả mọi người. Trong tâm từ, quan trọng nhất là không sát sanh. Không sát sanh thì chúng ta sẽ không làm tổn hại đến bất cứ người nào, bất cứ động vật nào. Bồi dưỡng tâm từ bi, kể đến lại tu mười nghiệp thiện, thân không sát

sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không hai lời, tuyệt đối không làm những việc này.

Câu hỏi 21: *Thưa pháp sư, vừa rồi ngài nói, không sát sanh có phải ý nói, khi chúng ta học Phật thì nhất định phải ăn chay không?*

Không nhất định như vậy, việc này không bắt buộc. Thế nhưng ăn chay đối với đời sống là rất tốt. Tôi học Phật cũng không có người nào bảo tôi ăn chay, thế nhưng tôi học Phật được sáu tháng thì tôi bắt đầu ăn chay. Lúc nhỏ tôi đi học, có một số bạn học là tín đồ Hội giáo thuần thành, họ rủ tôi đến Thanh Chân Tự hiểu được một số lễ nghi của họ. Họ rất chọn lựa trong việc ăn uống, không chỉ chú trọng vệ sinh, bảo vệ sinh lý mà còn bồi dưỡng tánh tình. Họ nói tánh tình tốt xấu có quan hệ với thức ăn chúng ta ăn vào. Tôi hiểu được điểm này, tánh tình có thể ảnh hưởng chính mình, những vật có tính không tốt, thì họ đều không ăn.

Về sau học Phật, Phật giáo nói ăn chay, ăn chay có thể nuôi dưỡng tâm từ bi. Tôi liền nghĩ tới ẩm thực có vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm. Từ khai thị này, tôi tự nhận được sự nhắc nhở và liền ăn chay. Năm hai mươi sáu tuổi tôi bắt đầu ăn chay, đến nay hơn bốn mươi năm, thân thể ngày càng khỏe mạnh, phần đông không đoán ra tuổi của tôi. Năm trước bác sĩ trong bệnh viện đo huyết áp, họ nói với tôi rằng, huyết áp của tôi và màu sắc của máu không khác gì người ba mươi tuổi. Đây là điểm tốt của trường chay. Cho nên ăn chay đối với sức khỏe thân thể là tốt tuyệt đối, lại thêm tâm thanh tịnh không ô nhiễm, bất cứ việc gì của thế gian đều buông bỏ là được. Sở dĩ tôi không xem tivi, không nghe phát thanh, cũng không xem báo chí, để được trải qua những ngày tháng tốt đẹp, thiên hạ thái bình. Khi xem ti vi, bạn thấy cái này cái kia, thiên hạ sao mà hỗn loạn đến như vậy, lộn xộn lung tung, lúc đó bạn sẽ khổ không nói ra lời, chúng ta hà tất phải trải qua tháng ngày như vậy? Cho nên xả

bỏ tất cả, mỗi ngày đọc kinh, cùng hàng với Phật Bồ tát, cùng làm bạn với người xưa, nghĩ xem đời sống này tự tại an vui dường nào.

Câu hỏi 22: *Thưa pháp sư, trong Phật học có người thường hay nhắc đến nghiệp chướng, nói mỗi người trong một đời đều có nghiệp chướng. Vậy nghiệp chướng này biểu thị cho cái gì? Có ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào?*

Nghiệp là sự nghiệp, khi tạo tác thì gọi là sự. Bạn làm bất cứ việc gì, sau khi làm xong thì kết quả đó gọi là nghiệp. Giống như chúng ta đi học ở trường, học sinh lên lớp là đang tạo nghiệp, kết thúc một học kỳ gọi là kết nghiệp, sau ba năm gọi là tốt nghiệp. Nghiệp là kết quả tạo tác, người thông thường chúng ta khởi tâm động niệm đều tạo tác, do đó tạo nghiệp quá nhiều. Phật pháp đem nó quy nạp thành ba loại lớn: tư tưởng trong tâm, khởi tâm động niệm gọi là ý nghiệp; lời nói gọi là khẩu nghiệp, tạo tác của thân thể gọi là thân nghiệp. Thân khẩu ý bao gồm tất cả những tạo tác của bạn, những tạo tác đó nhất định sanh hậu quả, gọi là tạo nghiệp. Nghiệp sanh chướng ngại cho bạn, gồm chướng ngại định và chướng ngại huệ.

Vì sao bạn không thể định, vì sao khi đi bên ngoài, bạn hay bị dẫn dụ? Những dẫn dụ đó là bạn đang tạo tác. Bạn bị người dẫn dụ thì định không còn, huệ cũng không còn, liền biến thành chướng ngại. Đây gọi là nghiệp chướng. Bạn tạo tác thiện, thiện cũng có thể chướng ngại, vì sao? Khi làm thiện, ta sanh lòng hoan hỷ, nói cách khác, tâm bạn không bình đẳng. Do đó tâm phải bình. Khởi lên sự bất bình, hoan hỷ, hay phiền não, thấy đều là nghiệp chướng. Thiện nghiệp chướng ngại, ác nghiệp cũng chướng ngại, nhưng họ có quả báo riêng. Thiện nghiệp đến ba đường thiện, ác nghiệp đến ba đường ác, họ không thể vượt ngoài sáu cõi luân hồi. Chỉ khi có định huệ mới có thể siêu việt sáu cõi luân hồi. Do đó Phật dạy chúng ta phải tu tịnh nghiệp, không làm việc xấu, chỉ làm việc tốt. Chúng ta tu thiện nghiệp mà không dính vào cái tướng của tu thiện, như vậy cái chướng ngại sẽ không còn.

Tóm lại, bạn phải ghi nhớ, chúng ta ở trong cuộc sống thường ngày, từ sớm thức dậy mặc áo ăn cơm làm việc nhất định phải tương ứng với giới định huệ, cụ thể phải tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Bình đẳng không phân biệt, thanh tịnh không chấp trước. Đối với tất cả mọi việc không phân biệt, không chấp trước. Tương ứng với định huệ thì đời sống của bạn liền tự tại, mỹ mãn, sự nghiệp của bạn thuận buồm xuôi gió, bạn sẽ làm tốt hơn người khác, nguyên nhân do bạn có định huệ.

Câu hỏi 23: *Làm việc thiện sẽ được quả thiện, làm việc ác sẽ bị ác báo, cũng chính là nói con người chúng ta nhất định phải làm nhiều việc tốt. Thừa pháp sư, Phật môn chúng ta đã nói về quan hệ nhân quả, cũng là tương ứng vấn đề vừa nêu phải không?*

Có quan hệ, quan hệ mật thiết.

Câu hỏi 24: *Ngài có thể nói qua về quan hệ nhân quả được không?*

Thế xuất thế gian pháp cùng Phật pháp đều không rời nhân quả. Phật pháp cũng xây dựng trên nền tảng của nhân quả, bạn không có nhân thì làm gì có được quả. Chẳng hạn chúng ta nỗ lực học tập là nhân, lấy được học vị là quả, nỗ lực làm việc là nhân, được báo đáp tốt là quả. Thế xuất thế gian chính là một vòng nhân quả lớn, cái nhân quả này mãi mãi tiếp nối, vĩnh viễn tuần hoàn. Khi biết nhân quả tương tục, nhân quả là tuần hoàn, thì dù ở hoàn cảnh nào, tự nhiên chúng ta liền sẽ hướng đến đoạn ác tu thiện, bởi vì tạo nhân bởi chính ta, kết quả đương nhiên chính mình cũng có thể dự biết. Ta tạo nhân tốt nhất định được quả tốt, tạo nhân ác thì quả nhất định không tốt. Không thể nói nhân thiện được quả ác, nhân ác được quả thiện, không hề có đạo lý này, đây là định luật.

Câu hỏi 25: *Nói đến nhân quả tôi rất hiếu kỳ. Thời đại này của chúng ta, ngay một đời làm việc thiện để đời sau chúng ta kết được quả thiện, như vậy nếu đời trước*

của chúng ta đã làm việc xấu, còn chúng ta vô tội, không biết nhưng lại phải gánh chịu quả ác do đời trước đã làm, vậy chúng ta phải xử lý thế nào?

Tình huống này vô cùng phức tạp, nghiêm túc mà nói, nhân quả do cá nhân tự mình làm, tự mình gánh chịu, đời trước và đời sau chỉ có ảnh hưởng gián tiếp. Dù đời trước làm việc không tốt, nếu chúng ta chăm chỉ nỗ lực, có thể thay đổi. Khi không thể thay đổi là bởi vì bạn không hiểu được đạo lý của nhân quả, bạn không biết chân tướng sự thật, bạn bị hoàn cảnh xoay chuyển. Vừa rồi đã nói bạn còn bị ảnh hưởng bởi cảnh giới bên ngoài, bạn không có định, không có huệ. Nếu bạn giữ đúng nguyên lý nguyên tắc trì giới, tu tâm thanh tịnh sanh trí tuệ thì bạn có thể thay đổi hoàn cảnh. Hoàn cảnh có ác liệt hơn, chúng ta có năng lực thay đổi lại, đều do con người làm. Cái này chính là trí tuệ cao độ mà chúng ta thường nói. Trí tuệ cao độ nhất định nhờ vào định lực sâu và phương pháp thỏa đáng. Cho nên dù xã hội có ác liệt hơn, dù hoàn cảnh của chúng ta ác liệt hơn, cũng không phải là không thể thay đổi. Liễu Phàm Tứ Huán là một ví dụ điển hình.

Câu hỏi 26: *Pháp sư! Một số người cho rằng, mình chỉ cần làm người tốt thì được, hà tất phải đi học Phật. Học Phật đối với cá nhân mỗi người chúng ta rốt cuộc có cái gì tốt? Tại sao nhất định phải học Phật?*

Việc này lại là một hiểu lầm, vừa rồi tôi nói, nên có một hiểu biết tương đối, học Phật là học làm người minh bạch. Tôi làm người tốt, hà tất phải đi làm người minh bạch? Hà tất phải biết chân tướng của vũ trụ nhân sanh, làm người tốt là được rồi? Với cách nói như vậy, bạn liền có được đáp án, nhất định phải làm một người minh bạch mới là người tốt viên mãn. Bạn tuy là người tốt, nhưng người tốt của bạn không viên mãn, còn khiếm khuyết rất nhiều. Nếu bạn có định huệ có thể làm người minh bạch, bạn mới là người tốt viên mãn. Còn người tốt thông thường chỉ là người tốt phổ thông mà thôi, không viên mãn.

Câu hỏi 27: *Muốn học Phật có thành tựu, lẽ nào nhất định phải xuất gia? ở tại gia học Phật có thể học đến thành tựu được không?*

Học Phật không nhất định phải xuất gia, quan niệm này sai lầm. Xuất gia cũng giống như một nghề nghiệp ở thế gian. Bạn thích nghề nghiệp nào thì bạn chọn lựa nghề nghiệp đó. Bất cứ nghề nghiệp nào cũng có thể học Phật, bất cứ nghề nghiệp nào cũng thành Bồ tát, thành Phật. Xuất gia là một nghề nghiệp trong tất cả các nghề nghiệp, nghề nghiệp này tương đương với nghề nghiệp mà chúng ta đã chọn. Tôi thích giáo dục, tôi thích dạy học, tôi đến học ở trường sư phạm, tương lai sau khi tốt nghiệp, tôi sẽ làm công việc giáo dục, đây là chí nguyện cá nhân. Cho nên nhất định phải hiểu, Phật pháp là trí tuệ viên mãn, biểu hiện ngay trong bất cứ phương thức đời sống khác nhau nào, ngay trong bất cứ hoàn cảnh công tác nào, đây là chân chánh học Phật, chân thật có được thành tựu trong Phật pháp, không nhất định phải xuất gia.

Nếu xuất gia mà không từ nơi công tác giáo học thì lại càng đặc biệt sai lầm. Giống như bạn tốt nghiệp trường sư phạm, bạn được phân công đến trường học làm giáo viên, nhưng ngày ngày bạn không chịu lên lớp thì còn gì để nói nữa. Bạn từ công việc nghề nghiệp nào cũng phải đem nghề nghiệp mình chọn mà làm cho tốt, trở thành tấm gương mô phạm, đó gọi là Phật Bồ tát. Phật Bồ tát chính là tấm gương tốt nhất cho chúng sanh thế gian.

Câu hỏi 28: *Vừa rồi pháp sư có nói đến học Phật giúp chúng ta lìa khổ được vui, hơn nữa đây là mục tiêu, một cảnh giới mà người học mong muốn đạt đến. Thế nhưng mọi người trên thế gian đều có khổ não, không biết Phật pháp có phương pháp nào tương đối cụ thể để lìa khổ được vui hay không, có thể giúp chúng ta hóa giải những khổ não này chăng?*

Kinh Phật nói, khổ não từ mê mất đi chính mình, mê mất đi chân tướng hoàn cảnh sinh hoạt mà sanh ra. Vì bạn không hiểu rõ chân tướng sự thật, mỗi ngày bạn đang vọng tưởng, cách nghĩ cách nhìn của bạn thấy đều sai lầm, hành vi tạo tác của bạn cũng sai lầm theo. Tư tưởng chỉ đạo hành vi con người, nghĩ sai thì nhất định sẽ làm sai, đã làm sai đương nhiên sẽ mang đến kết quả khổ đau. Phật muốn giải quyết khổ nạn của chúng sanh, trước tiên phải giúp họ giác ngộ, giúp họ chân thật hiểu được nhân sanh. Người hiện đại chúng ta không bằng người xưa, bạn xem người xưa có thể an phận nghèo vui đạo, họ đạt nhiều an vui. Còn người hiện tại dục vọng không hề ngừng nghỉ, chẳng phải tự tìm lấy cái khổ hay sao. Hãy bình lặng mà nghĩ, mỗi ngày bạn làm việc khổ cực đến vậy, rốt cuộc bạn trải qua ngày tháng như thế nào, bạn đã đạt được cái gì, cứ bình lặng mà nghĩ chính mình liền sẽ hiểu ra.

Những năm đầu tôi học Phật, một vị hòa thượng giảng cho tôi nghe câu chuyện thật. Ở Thái Châu Giang Tô, có một người lang thang xin ăn rất đáng thương, con cái của ông buôn bán phát tài to luôn nghĩ cách cho người đi tìm ông về. Ông trở về, họ sắm sửa quần áo mới cho cha, thuê người hầu hạ. Thế nhưng người cha chỉ ở khoảng một tháng rồi lại bí mật trốn đi. Ông tiếp tục lang thang xin ăn. Người ta hỏi lý do vì sao ông làm vậy. Ông trả lời, vì được nhiều người hầu hạ khiến ông cảm thấy đắc tội; họ mang thức ăn cao sang đến ép nhưng ông không thích ăn; ông cũng không chịu mặc quần áo mới; thà mỗi ngày đi xin ăn, mỗi ngày được du sơn ngoạn thủy, đói thì xin một bát cơm, buổi tối ngủ nghỉ nơi nào cũng được, đời sống chân thật là đời sống mà chính mình bằng lòng trải qua, an vui, tự tại, rất tuyệt vời. Quan niệm này của ông cùng với quan niệm của người thế tục chúng ta hoàn toàn không giống nhau. Tuy ông không học Phật, nhưng nếu học Phật, chắc chắn ông ấy cũng sẽ thành Phật. Trên thực tế ông ấy là Bồ tát trong ăn xin, một người giác ngộ trong ăn xin. Biểu hiện của ông ấy là không tranh giành với người, không mong

cầu ở đời, cuộc sống đại tự tại, hòa nhập với đại tự nhiên. Người nào có được cảnh giới này, quay đầu nhìn lại thấy con cái buôn bán, cảm thấy không tiếc rẻ, bản thân thông dong không phải là đời sống của người bình thường. Việc lìa khổ được vui các vị phải từ đây mà nghĩ.

Câu hỏi 29: *Vâng. Ý cảnh rất sâu, nhưng thực tế lại có một số người tương đối trái nghịch, ở trong phước mà không biết phước, xung quanh họ đều đầy đủ viên mãn, thế nhưng họ cũng không hề được an vui, bởi vì trong đầu họ luôn ghi nhớ những việc buồn quá khứ, còn việc an vui thì lại không nhớ chút nào. Thưa pháp sư, xin ngài có thể vì những người nghĩ không thông này mà khai thị cho họ?*

Kinh nói “Phàm hề có tướng đều là hư vọng”, người và người, người và công việc đều thoáng qua như mây khói, hà tất phải để nó trong lòng, khiến chính mình khó chịu, đây là ngu muội. Một người nếu muốn chân thật đạt đến an vui trước tất cả những việc không vừa ý, tất cả người có vướng mắc với mình, thì phải đem nó quên sạch không nhớ gì. Thường nghĩ đến chỗ tốt, không nên nghĩ đến chỗ xấu của người, thì bạn an vui. Ngày ngày nghĩ đến lỗi lầm của người là bạn tự tìm cái khổ, không liên quan gì với họ. Khổ là chính mình, không phải họ, loại người này mới gọi là ngu si, mê hoặc, điên đảo mà kinh Phật thường nói. Chúng ta nên tự cầu phước báu, thường hay nghĩ đến chỗ tốt của người. Dù họ có lỗi lầm, dù họ ác, chúng ta vẫn có thái độ tốt đẹp đối đãi với họ, hơn thế nữa có thể làm cho người ác chuyên thành người tốt, công đức rất lớn, là một việc đại thiện. Không nên tác thành ác hạnh cho người khác, phải làm việc tốt cho người, chúng ta mới chân thật đạt đến an vui.

Câu hỏi 30: *Một số người không cách gì không chế được suy nghĩ của mình. Thưa pháp sư, có phải có những phương pháp ngoại lực, ví dụ niệm niệm kinh văn gì đó giúp họ cởi mở chính mình, vậy nên đọc những kinh gì?*

Hiện tượng này rất phổ biến, trong ngoài nước đều đã thấy qua, nguyên nhân chủ yếu Phật pháp gọi là “tập khí của họ quá sâu, phiền não quá nặng”. Dù có hiểu được đạo lý, khi cảnh giới xuất hiện họ vẫn không thể khắc phục, vẫn không thể chuyển đổi nó. Phương pháp của Phật pháp rất nhiều, nếu phiền não khởi lên, tâm không bình, muốn làm cho tâm định lại, bạn nên mở quyển kinh, chăm chỉ đọc qua một lượt, háo hức dần dần liền ổn định. Cho nên dùng phương pháp đọc kinh cũng được, trì chú cũng được, niệm Phật cũng được. Thậm chí không dùng những phương pháp này bạn có thể dùng phương pháp thế gian. Bạn vốn thích nghe nhạc, chỉ cần mở vài khúc nhạc cổ điển rồi chuyên chú lắng nghe, tâm cũng có thể bình lại. Do đó phương pháp không cố định, bạn xem phương pháp nào có hiệu quả đối với mình thì có thể vận dụng nó. Tóm lại, bình lặng vọng tưởng phân biệt là việc trọng yếu, đây là then chốt quan trọng trong tu hành của chúng ta.

Câu hỏi 31: *Thưa pháp sư, có thể chỉ dạy chúng tôi một chút, nếu chúng ta tự tu ở nhà thì nên đọc những kinh văn gì?*

Sơ học nhất định phải từ nơi làm người tốt mà khởi đầu. Những năm gần đây chúng ta ở hải ngoại đề xướng vận động bốn tốt, bảo người “giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt, làm người tốt”, tiêu chuẩn của cái tốt phải phù hợp với xã hội, có lợi ích cho đại chúng, không vì lợi ích của chính mình. Nếu nghĩ đến lợi ích của chính mình, bỏ qua lợi ích của mọi người trong xã hội thì không đúng. Mỗi niệm vì xã hội, mỗi niệm vì mọi người, chúng ta cũng là một người trong đó. Mọi người được tốt, đương nhiên ta sẽ tốt; ta tốt mà mọi người không tốt thì ta vẫn phải chịu tai nạn, vẫn không cách gì tránh khỏi. Cho nên, đây là tiêu chuẩn tích cực vì xã hội vì mọi người. Ngày xưa đại sư Ấn Quang cả đời cực lực đề xướng “Liễu Phàm Tứ Huấn”, Viên Liễu Phàm là người thời đại triều Minh, bốn thiên văn chương của ông lưu hành ở Đài Loan rất rộng. Ngày trước tôi đã giảng qua tỉ mỉ, cũng có băng đĩa, sách đang lưu hành, các bạn có thể xem, chăm chỉ học tập, trước tiên phải làm

người tốt, đây là nền tảng. Sau đó chúng ta đọc kinh mới có thể nhận được kết quả. Về đọc kinh, nếu mọi người chưa tiếp xúc, tốt nhất nên tụng kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ không dài, thích hợp với người hiện đại, lý luận phương pháp cảnh giới trong đó tương đối viên mãn, mọi mặt đều được nói đến, là một bộ sách rất hay.

Câu hỏi 32: *Kinh Vô Lượng Thọ. Thưa pháp sư, trước khi chúng ta tụng kinh, đang tụng hoặc sau khi tụng, có quy củ gì không? có gì cấm kỵ không?*

Không có. Phật là giáo học, không phải tôn giáo. Không có chuyện chúng ta không quy củ thì Phật không vui. Nếu Phật không vui thì ngài đã biến thành phàm phu vì ngài còn khởi tâm động niệm. Cho nên không hề có việc này. Chúng ta có thể tụng kinh bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào, chỉ cần làm cho tâm được an tịnh.

Tuy nhiên, khi mọi người cùng nhau tu học theo nhóm thì cần phải có quy củ. Nếu không quy củ sẽ loạn. Mọi người cùng nhau đọc kinh, vì sao nhất định phải gõ mõ? Đó là để giữ nhịp, giúp mọi người hòa nhịp ăn khớp nhau, người nghe sẽ cảm thấy dễ chịu. Cho nên khi mọi người cùng nhau tụng thì phải có quy củ, còn cá nhân thì tự tại, muốn tụng cách nào cũng được.

Câu hỏi 33: *Xung quanh đời sống nơi nào cũng có thể thấy một không khí không hòa hợp thân thiện, như vợ chồng bất hòa ngày càng nhiều, tỷ suất ly hôn ngày càng cao, tình hình con cái bất hiếu cũng thường xảy ra, hiện tượng hàng xóm mâu thuẫn, nơi nào cũng hiện rõ hiện tượng xã hội bất hòa, không thân thiện. Thưa pháp sư, có thể mời ngài vì một đại hoàn cảnh không thân thiện này, vì tất cả mọi người mà nhắc nhở khai thị được không?*

Trước hết cần tìm ra những nhân tố gây bất hòa, sau đó trừ bỏ những nhân tố này mới có thể giải quyết được vấn đề. Nhân tố cội gốc vẫn ở giáo dục. Vì sao xã hội thời xưa an định suốt một thời gian tương đối dài? Đó là nhờ vào giáo dục. Thời

trước giáo dục trọng điểm chủ yếu dạy bạn làm người. Xem trong Tam Lễ, giáo học của nhà Phật các vị có thể thấy các kinh luận đều dạy bạn quan hệ giữa người và người, quan hệ vợ chồng, cha con, anh em, bè bạn, quân thần, ngày nay gọi là quan hệ cấp dưới và lãnh đạo. Trung Quốc gọi là ngũ luân bát đức, đây là trung tâm của giáo học. Trong giáo học Khổng Tử, đức hạnh là bậc nhất, là căn bản làm người, sau đó mới dạy ngôn ngữ, dạy những năng lực làm việc, năng lực mưu sinh, văn học nghệ thuật, nâng cao phương diện đời sống tinh thần,... Phật pháp cũng vậy. Nguyên nhân căn bản chính là giáo dục. Ngày nay của chúng ta trên tông chỉ có khác biệt, chúng ta chỉ chú trọng kỹ thuật mà không chú trọng nhân văn, không hiểu quan hệ người và người, tuy giàu có nhưng trong vấn đề nhân sự thì mãi mãi không giải quyết được. Cho nên muốn bù đắp, phương pháp hiệu quả nhất chính là giáo dục, đó là tính chuyện trăm năm.

Cụ thể, chúng ta phải giảng nhân quả báo ứng, nếu mọi người đều biết, nhân thiện có quả thiện, nhân ác nhất định có ác báo, từ đó biết kiểm soát khởi tâm động niệm hành vi tạo tác thì đối với an toàn của xã hội sẽ có thể nhận được một số hiệu quả. Đại sư Ấn Quang là người xuất gia, một đệ tử Phật, cả đời ngài không giảng kinh Phật, không hoằng dương pháp Phật, mà hoằng dương “Liễu Phàm Tứ Huấn”, hoằng dương “Cảm Ứng Thiên”, những thứ này đều khuyến thiện, đều giảng nhân quả báo ứng, rất phù hợp. Ngài thật tràn đầy trí tuệ, lòng từ bi muốn cứu vãn xã hội, chúng ta hiểu được những lý luận cũng như những phương pháp này mà toàn tâm toàn lực thúc đẩy.

Câu hỏi 34: *Người thông thường hay lo sợ tương lai, đối với việc vãng sanh, đối với cái chết, trong những việc thuộc về phương diện sống chết này, xin mời pháp sư vì chúng tôi khai thị?*

Sở dĩ họ lo sợ là vì đối với chân tướng sự thật họ hoàn toàn không hiểu biết, khi đã hiểu rõ thì tâm lo sợ ắt không còn. Phật nói, sinh mạng là vĩnh hằng bất diệt, hay nói cách khác, sinh mạng vốn dĩ không hề có chuyện chết đi, chết là vọng tưởng. Thân thể này không phải là ta, mọi người cứ xem thể xác này là mình, cho nên sanh ra lo sợ. Nếu biết thân xác này không phải là ta thì lo sợ làm gì. Cũng như biết được quần áo không phải là ta, quần áo chỉ là vật của ta, khi quần áo bẩn, bạn sẽ hoan hỉ đem vứt nó để thay một bộ quần áo mới. Thân xác này cũng là cái của ta, nhưng không phải là ta, dùng mấy mươi năm đã cũ, chúng ta nên vứt bỏ nó để thay một cái mới. Nếu bạn có quan niệm này, chẳng phải bạn sẽ rất tự tại sao? Đây là chân tướng sự thật, nếu bạn dùng thái độ như vậy để nhìn sanh tử thì bạn sẽ rất tự tại.

Câu hỏi 35: *Vậy ta chính là cái gì?*

Ta là chân tâm mà Phật pháp đã nói, cái này người ngoại quốc gọi là “Ta tư duy nên ta tồn tại”. Bạn có thể suy nghĩ thì cái đó mới là bạn.

Câu hỏi 36: *Là vô hình?*

Chúng ta gọi là tinh thần, là tâm linh. Thế nhưng cái đó vẫn không phải chân thật là ta. Chân thật là ta so với cái này còn cao hơn nữa. Tuy nhiên họ chỉ có thể thể hội đến được “Ta tư duy nên ta tồn tại”, đã là thông minh hơn so với người thông thường rất nhiều. Điều này khái niệm Phật pháp gọi là “Thức”. Thức là tác dụng của tâm. Họ có thể quan sát được tác dụng của tâm nhưng không quan sát được bản thể của tâm. Bản thể của tâm lại cao hơn một tầng, đó mới là ta chân thật. Cho nên thân thể này không phải là ta. Trong sáu cõi, bỏ thân rồi lại có thân, bị những thứ phiền toái trói buộc, không phải là điều tốt. Do đó chúng ta đối với cái thân này không nên thương yêu quá đáng, cũng không nên có ý hủy hoại nó. Bạn thương yêu quá đáng là sai lầm, bạn có ý hủy hoại cũng sai. Tất cả nên tùy theo tự nhiên.

Thích ứng với đại tự nhiên mang đến đời sống tốt đẹp. Bên cạnh đó, cũng phải bảo cái thân này quay về với tự nhiên, như vậy mới được khỏe mạnh.

Câu hỏi 37: *Thưa pháp sư, con người chúng ta sau khi vãng sanh thì đi đến nơi nào?*

Dùng ngôn ngữ khoa học hiện đại mà nói, đó là chúng ta thay đổi không gian, nhà Phật gọi mười pháp giới, sáu cõi, hai mươi tám tầng trời, thế giới của Phật. Không gian đời sống không giống nhau, đời sống của chúng ta hiện tại là ba độ không gian, bốn độ không gian, thậm chí họ biết đến năm sáu độ. Cảnh giới của Phật là không gian cao độ nhất, viên mãn nhất. Vãng sanh thực tế mà nói chính là thay đổi không gian. Cụ thể hơn, bạn có thể tưởng tượng chúng ta ngồi trước tivi thay đổi kênh đài, chúng ta không hề rời khỏi tivi, chỉ là thay đổi kênh trên một màn hình đó mà thôi. Nhà Phật nói vãng sanh, “sanh thì nhất định sanh, đi thì không đi”, vì bạn vẫn đang ở ngay màn hình này, nhưng tại sao sanh thì nhất định sanh? Vì kênh đài đã thay đổi, đã khác kênh rồi. Sự thật chính là như vậy.

Câu hỏi 38: *Do đó Phật tuyệt nhiên không phải là mê tín?*

Không phải mê tín.

Câu hỏi 39: *Người sau khi vãng sanh đều phải siêu độ, vậy siêu độ biểu thị ý nghĩa gì?*

Thực tế siêu độ mang ý nghĩa truy điệu hoài niệm. Chúng ta dùng tâm chân thành để giúp họ. Siêu độ phần nhiều nói đến nghiệp chướng mà lúc sanh tiền họ đã tạo tác, không tránh khỏi nghiệp chướng nên họ phải chịu đau khổ, chúng ta siêu độ là giúp đỡ họ giảm ít đau khổ, việc này kinh Địa Tạng nói rất rõ ràng. Siêu độ tuyệt nhiên không phải chúng ta tụng vài quyển kinh thì họ liền có công đức, không hề có việc như vậy. Kinh nói rõ, siêu độ là chúng ta cố gắng tu tập thành tựu thì họ

mới được phước báu. Ví dụ, nếu chúng ta muốn làm rạng danh tổ tông, ta phải nỗ lực chăm chỉ làm việc, tương lai có địa vị xã hội, trở thành nhân tài kiệt xuất, cha mẹ ta liền có tiếng thơm, đến bất cứ nơi nào đều được mọi người hỏi thăm, cung kính, chăm sóc đặc biệt. Bạn không có thành tựu, dù tụng bất cứ kinh gì cũng vô ích. Chính bạn cần phải có thành tựu, do đó chính bạn đọc kinh phải hiểu được nghĩa kinh, y theo đó mà tu hành, đem chính mình từ phàm phu nâng cao lên địa vị thánh hiền thì cha mẹ của bạn liền được tiếng thơm, được nhận sự tôn kính của mọi người trong xã hội, đó là ý nghĩa chân thật của việc siêu độ.

Câu hỏi 40: *Tuyệt nhiên không thể giúp đỡ gì họ đối với việc vãng sanh?*

Có giúp đỡ. Dù họ ở cõi trời hay cõi nào đi nữa đều sẽ được người ở cõi đó tôn kính, vì họ có con cái hiền lương, con cái là Bồ tát, như thế còn gì bằng. Nếu bạn không có bất cứ thành tựu gì thì bạn tụng bất cứ kinh gì cũng không kết quả.

Câu hỏi 41: *Vừa rồi pháp sư có nói đến kinh Địa Tạng. Kinh Địa Tạng ở trong Phật học cũng là một bộ kinh văn tương đối quan trọng, xin ngài nói rõ hơn một tí cho chúng tôi hiểu?*

Tu học Phật pháp ở Trung Quốc có bốn giai đoạn. Thứ nhất, phải học từ Địa Tạng. Địa biểu thị tâm địa, Tạng là bảo tạng. Trong lòng chúng ta có vô lượng trí tuệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng, Phật nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Cho nên năng lực trí tuệ của chúng ta là bình đẳng, không phân cao thấp. Thế nhưng hiện tại vì sao hiện rõ cao thấp, vì sao có hiện tượng không bình đẳng?, như vừa rồi đã nói, vì bạn bị mê. Người nghiệp chướng nặng thì trí tuệ của họ lộ ra ít, người nghiệp chướng nhẹ thì trí tuệ tương đối nhiều, do đó cái không bình đẳng này là do nghiệp chướng dày mỏng sâu cạn. Nếu nghiệp chướng thấy đều tiêu trừ, trí tuệ đức năng của bạn hiển lộ ra, nhất định bình đẳng. Cho nên “Tâm địa bảo tạng”, phải bắt tay vào chỗ này.

Dùng cái gì để khai mở Tâm địa bảo tạng? dùng hiếu kính. Kinh Địa Tạng là hiếu kính của Phật môn, chúng ta phải từ Địa Tạng mà học, từ nền tảng Địa Tạng mà nâng lên. Bồ Tát Quán Thế Âm đại từ đại bi cũng từ hiếu kính mà khai phát. Ta hiếu kính cha mẹ, hiếu thuận người thân, sau đó ta đem hiếu kính này hiếu thuận tất cả chúng sanh, tôn kính tất cả chúng sanh, vậy thì biến thành Bồ Tát Quán Thế Âm. Hướng lên triển khai, một vị nữa chính là Bồ Tát Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù biểu thị trí tuệ, bạn từ bi với tất cả chúng sanh, quan tâm, chăm sóc tất cả chúng sanh, phải dùng lý tánh không thể dùng cảm tình. Văn Thù đại biểu lý trí. Sau cùng là Bồ Tát Phổ Hiền. Phổ Hiền đại biểu bình đẳng. Hiếu kính, từ bi, trí tuệ của bạn đối với tất cả chúng sanh phải bình đẳng, không thể có khác biệt, do đó Phổ Hiền mới chân thật làm được đại viên mãn.

Câu hỏi 42: *Thưa pháp sư, vừa rồi ngài nói đến niệm Phật, rất nhiều nơi đều nghe được âm thanh của tiếng niệm Phật, phổ biến nhất là “Nam Mô A Di Đà Phật”, “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát”. Niệm những danh hiệu Phật này có hiệu dụng gì?*

Phương pháp tu học của Phật pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Niệm Phật là một loại trong vô lượng pháp môn đó. Cái hay của pháp môn niệm Phật chính là dễ dàng đơn giản, người người đều có thể tu học, lý của nó rất sâu. Tịnh độ tông chuyên đề xưng niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương cực lạc, đương nhiên việc này không thể chỉ mấy câu nói là được rõ ràng, số lượng kinh điển tuy không nhiều nhưng nghĩa lý của nó thì vô cùng phong phú. Ví dụ kinh A Di Đà, mọi người đều rất quen thuộc, luôn cho là kinh đơn giản, dễ dàng, ngày trước tôi đã giảng qua hai lần có băng ghi âm, tổng cộng 335 cuộn. Do đây mà biết, bộ kinh này không đơn giản, nên tôi đã giảng dài đến vậy, có lẽ giảng hết một năm, nhưng vẫn chưa giảng hết ý kinh mà chỉ nói được phần ít, có thể thấy nghĩa lý tịnh tông là không thể nghĩ bàn.

Thế nhưng phương pháp niệm Phật lại đơn giản, bất cứ người nào dù hiểu hay không hiểu lý luận cũng đều được. Người không hiểu lý luận thì cần phải trung thực mà niệm, bạn phải thật tin thật nguyện thì cũng có thể thành tựu. Sự thành tựu này thực tế rõ ràng, rất tốt đẹp, không gì bằng, không những có thể siêu việt sáu cõi luân hồi, mà còn siêu việt mười pháp giới. Các pháp môn khác rất khó mà so sánh, pháp môn này được tất cả chư Phật khen ngợi. Xưa nay ngoài tịnh độ tông ra, tổ sư của các tông phái khác cũng khen ngợi đề xướng, có thể thấy pháp môn này đích thực tối ưu.

Câu hỏi 43: *Trong học Phật có rất nhiều pháp môn như thiên tông, mật tông, tịnh độ tông. Có người nói rằng “thiên mật song tu”, cũng có người nói “thiên mật tịnh tam tu”. Xin pháp sư cho chúng tôi biết, rốt cuộc nên tu thế nào cho đúng?*

Chúng ta ở trong một đời này, thời gian ngắn ngủi, có được thành tựu rất thù thắng thì cần phải một môn thâm nhập, bởi vì một môn thì tâm của bạn mới dễ dàng tịnh. Bạn học hai thứ, ba thứ nhất định sẽ không bằng người chuyên một môn. Cũng giống như đánh giặc, bạn đem binh lực tập trung đánh vào một điểm sẽ dễ dàng đột phá. Nếu bạn đem nó phân làm ba điểm để tấn công, binh lực của bạn bị yếu, bạn sẽ không thể nào đánh thắng được, đạo lý chính là như vậy. Cho nên tuy có người đề xướng cùng tu hai ba loại, bạn phải tỉ mỉ lắng nghe xem họ nói với người nào, họ có cái khổ bất đắc dĩ gì. Ví dụ nói, “thiên tịnh song tu”, thì nhất định là nói với người tham thiền. Họ không chịu buông bỏ tham thiền, thiên của họ không thể thành tựu, cho nên khuyên họ “thiên tịnh song tu” thì sẽ tốt hơn. Có như thế thì một nửa không thể thành tựu cũng còn một nửa vẫn có hy vọng. Dụng ý của “thiên tịnh mật tam tu” cũng chính như vậy. Do đó người nói lời nói này có cái khổ bất đắc dĩ riêng. Trên thực tế nếu bạn thật nghe theo, nhất định họ sẽ bảo bạn một môn thâm nhập, một môn này là tịnh độ, dễ dàng thành tựu. Thiên cùng mật đều không dễ dàng.

KHAI THỊ PHẬT HỌC CƠ BẢN

Phật giáo tuyệt nhiên không phải là tôn giáo, mà là một giáo dục chí thiện viên mãn, hơn nữa nó cũng không quá cao cả để người quỳ lạy, mà là đôi với đời sống của tôi và bạn kết hợp với nhau một cách chặt chẽ.

Tôi xem thấy các vị đồng tu nêu ra một số vấn đề có liên quan tu học, lợi dụng thời gian này, tôi sẽ nói rõ những việc thiết yếu với các vị.

1. Vấn đề thứ nhất cũng là vấn đề mà rất nhiều người quan tâm. Họ nói: “Chúng tôi thường thấy rất nhiều hình tượng Phật Bồ Tát thờ cúng trong các chùa hoặc trong gia đình để mọi người chấp tay quỳ lạy. Vấn đề muốn hỏi là, cúng hình tượng Phật Bồ Tát và ý nghĩa của việc lạy Phật Bồ Tát rốt cuộc như thế nào? lạy Phật và lạy Thần có gì khác biệt? chúng ta phải dùng tâm trạng như thế nào để lạy Phật Bồ Tát và lạy thân mình mới là đúng?”

Tôi nghĩ, vấn đề này là một vấn đề nghiêm túc, bởi vì mê tín chỉ mang đến cho xã hội ảnh hưởng phụ. Kính trời, kính thần là tập tục mấy nghìn năm ở Trung Quốc, có tác dụng lớn đối với giáo dục xã hội, nhất định không phải là mê tín, việc này chúng ta cần phải phân biệt cho rõ ràng. Phật pháp là sư đạo, không phải thần đạo, cho nên Phật giáo là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Phật giáo mấy ngàn năm trước đã biết được nghệ thuật hóa giáo dục, do đó thấy trong Tự Viện Am đường hình tượng của Phật Bồ Tát, có tượng đất, tượng vẽ, hình hình sắc sắc, đa dạng chủng loại. Mấy năm qua ở Đài Loan, có rất nhiều đạo tràng lạy Vạn Phật Danh kinh. Trong bộ kinh này, Phật đã giảng cho chúng ta nghe hơn một ngàn hai trăm danh hiệu, không nói đến danh hiệu của chư Phật Bồ Tát. Những danh hiệu đó đều là đức năng nơi tự tánh của mỗi chúng sanh vốn đầy đủ. Ví dụ danh hiệu của Thích Ca Mâu Ni Phật, âm tiếng Phạn dịch ra, “Thích Ca” là nhân từ, dịch là năng nhẫn, “Mâu Ni” dịch là tịch diệt, chính là ý thanh tịnh. Do đây mà biết, nhân từ cùng

thanh tịnh là đức năng trong tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ. Cái đức năng này, nhất định phải dùng danh hiệu để làm cho nó rõ ràng hơn. Chúng ta nghe danh hiệu thì khi đối nhân xử thế tiếp vật phải nhân từ; đối với chính mình phải thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh đối đãi chính mình, dùng tâm từ bi đối đãi với người khác. Cho nên khi nghe danh hiệu hoặc nhìn thấy hình tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta liền được nhắc nhở ý niệm này, đó là giáo học, là nghệ thuật biểu thị mọi lúc mọi nơi, nhắc nhở tánh đức chúng ta phải không ngừng lưu xuất ra ngoài.

Danh hiệu của Bồ tát biểu thị tu đức, cũng chính là Phật Bồ tát. Đức năng chúng ta vốn đầy đủ, nhưng hiện tại chúng ta bị mê, tuyệt nhiên không phải mất đi mà chỉ bị mê. Khi mê, tánh đức của tự tánh không hiển hiện, chẳng hạn bản tánh của chúng ta là đại từ đại bi, hiện tại chúng ta đối với người với vật, một chút tâm từ bi cũng không có; tự tánh của chúng ta vốn thanh tịnh, hiện tại một ngày từ sớm đến tối vọng tưởng lung tung, vọng niệm không ngừng, mang đến biết bao phiền não, vì chúng ta đã đánh mất đi tánh đức của chính mình, bị mê muội. Nhất định phải dựa vào tu hành mới có thể hồi phục, do đó Bồ Tát đại biểu tu đức.

Tánh và tu không hai, tu đức cũng vô lượng vô biên, bởi vì chúng ta mê đã quá sâu, do đó phương pháp lý luận của tu đức cũng khôn cùng tận. Bồ tát đại biểu tu đức, Phật đại biểu tánh đức, cho nên danh hiệu hình tượng chư Phật Bồ Tát đều có tác dụng nhắc nhở chúng ta tánh tu. Chúng ta cúng hình tượng Phật Bồ Tát với mục đích chính như vậy.

Ngày trước trong lúc giảng dạy, tôi thường hay nói rõ với đại chúng, đệ tử Phật cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát không ngoài hai ý. Ý thứ nhất là kỷ niệm, Phật là lão sư ban đầu của chúng ta, chúng ta tiếp nhận giáo dục của ngài, đạt được công đức lợi ích thù thắng từ giáo học này thì đối với vị lão sư sáng lập, chúng ta luôn cảm ân, mỗi niệm không quên. Đây thuộc về ý kỷ niệm, gọi là trở về nguồn cội. Ý

thứ hai là học tập với ngài, thấy người hiền mà noi theo. Chúng ta nhìn thấy hình tượng phải học theo ngài. Nghe được danh hiệu, cũng phải học ngài. Chúng ta cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát cần có tâm trạng này. Cho nên sự cúng dường nhất định không phải là mê tín.

Chúng ta cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Địa Tạng đại biểu hiệu kính “hiếu thân tôn sư”. Nhìn thấy “Địa” là tâm địa, “Tạng” là bảo tạng, Mỗi chúng sanh chúng ta, tâm địa đều đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, đó là ý nghĩa của “Địa Tạng”. Do đó thờ cúng hình tượng Phật Bồ Tát phải khai mở Tâm Địa Bảo Tạng Tự Tánh của chúng ta. Dùng phương pháp gì để khai mở? dùng giáo dục, mà căn bản của giáo học chính là “hiếu thân tôn sư”, cho nên kinh Địa Tạng là Hiếu kinh của Phật môn.

Học Phật bắt đầu từ đâu? từ Địa Tạng mà học, đây là ý nghĩa cúng dường Bồ Tát Địa Tạng. Tuyệt nhiên không thể nói: “Tôi cúng dường Bồ Tát Địa Tạng, mỗi ngày lạy ngài, ngày ngày cúng dường ngài. Ngài sẽ đến bảo hộ tôi”, đó là mê tín, tánh đức của bạn vĩnh viễn không xuất hiện. Chúng ta phải học tập Bồ Tát Địa Tạng, học lý luận trong kinh Địa Tạng đã dạy. Phải hiểu tường tận lý luận và phương pháp, phải thiết thực làm cho được những phương pháp đó, có như vậy mới là Bồ Tát Địa Tạng, chân thật gia trì chúng ta, chân thật bảo hộ chúng ta. Nếu chúng ta không hiểu được ý này, không y theo phương pháp mà làm, chỉ mê tín, thì một tí lợi ích cũng không có được. Không những không có được, trái lại còn có lỗi do đem Phật Bồ Tát xem thành thần minh để cúng vái, để hỏi lộ đút lót, nịnh hót nhờ họ, cho rằng họ có thể bảo hộ mình; đem Phật Bồ Tát xem thành tham quan, ô lại để đối đãi. Bạn nghĩ xem, tâm trạng này chính là tội ác, việc này chúng ta không thể không thông hiểu, nhất định không được sai lầm, vì sai một li, đi một ngàn dặm.

Việc bái lạy thiên địa, quỷ thần trong lễ xưa của Trung Quốc đều có. Đây là phép tu kính, chúng ta đối với thiên thần, quỷ thần không hề cầu mong thứ gì, nhưng vì sao phải bái lạy? chúng ta nên tôn trọng họ, cung kính họ. Chữ “kính” này là tánh đức. Làm thế nào để bồi dưỡng tánh đức, làm thế nào mở rộng tánh đức? đối với thiên địa quỷ thần, sự cung kính của chúng ta phải thật tâm, cung kính với tất cả mọi người, mọi việc, mọi vật, vậy mới đúng. Cho nên thời xưa, cúng bái thiên địa quỷ thần, ý nghĩa thiết thực đều thuộc về giáo học, tuyệt đối không có mong cầu gì với quỷ thần. Có mong cầu với quỷ thần là quan niệm sai lầm, không có trong ý nghĩa của cúng bái vào thời xưa.

2. Vấn đề thứ hai, *thường thấy có rất nhiều người mua hoa tươi trái cây đồ cúng ở tự viện hoặc ở gia đình để cúng dường Phật Bồ Tát, đồng thời cũng đốt hương, đốt đèn sáp, đều cầu Phật Bồ Tát bảo hộ bình an khỏe mạnh, thăng quan phát tài. Vậy dụng ý đúng nghĩa là gì? Có phải Phật Bồ Tát cần dùng những thứ này chăng?*

Xin nói với các vị, Phật Bồ Tát nhất định không cần những thứ này, vậy ý nghĩa chân thật của những thứ này là gì? Vẫn là ở giáo học. Nếu dùng lời hiện đại mà nói, tất cả những thứ cúng dường này chính là công cụ giáo học, để khi chúng ta tiếp xúc liền có thể thức tỉnh. Ví dụ khi ở trước tượng Phật, ý nghĩa của tượng Phật mọi người đều biết, cúng Phật đại biểu tánh đức của tự tánh, Bồ Tát đại biểu tu đức, thông thường chúng ta cúng một vị Phật, hai vị Bồ Tát, bởi vì tánh đức chỉ có một, không có hai, tu đức thì nhiều phương diện. Nhiều phương diện đem gom lại, không ngoài hai loại lớn: Tri và Hành, nhà Phật gọi là giải hành, gồm giải môn và hành môn, cho nên dùng hai vị đại Bồ Tát làm đại biểu, việc này tiên sinh Vương Dương Minh gọi là “Tri hành hợp nhất”, thực tế mà nói đều từ trong khai thị của Phật pháp mà có được những linh cảm này.

Giải môn, ví dụ phần đông chúng ta thường cúng Thích Ca Mâu Ni Phật và Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn Thù. Phật biểu thị tánh đức, Văn Thù, Phổ Hiền biểu thị tu đức. Văn Thù biểu thị giải môn, ngài đại biểu trí tuệ. Phổ Hiền biểu thị hành môn, ngài đại biểu thực hành. Do đó hai vị Bồ tát này đại biểu cho tất cả.

Đồng tu tịnh độ, phần nhiều thờ Tây Phương Tam Thánh. Phật thì thờ Phật A Di Đà. Ý nghĩa của danh hiệu này là vô lượng giác, A ý nghĩa “vô”, Di Đà ý nghĩa “lượng”, Phật là giác ngộ. Tất cả mọi người, mọi việc, mọi vật, tận hư không khắp pháp giới đều phải giác ngộ, đây là tánh đức cứu cánh viên mãn. Bồ tát biểu thị tu đức gồm Quan Âm, Thế Chí. Bồ tát Quan Âm biểu thị thực hành, đại biểu “hành”, Bồ tát Thế Chí biểu thị trí tuệ, đại biểu “giải”, cho nên vẫn là vừa hành vừa giải. Thế nhưng pháp môn tịnh độ lại đề “hành” phía trước, “giải” ở phía sau, đây là điểm không giống nhau trong cúng dường tượng Phật. Chúng ta chú trọng thực hành, nên đem đề ở phía trước. Hiểu rõ ý này, chúng ta sẽ không đến nỗi sanh ra quan niệm sai lầm.

Cúng hoa trước tượng Phật, hoa đại biểu nhân. Thế xuất thế gian pháp đều không rời nhân quả, Phật thường nói trên các kinh Đại thừa “vạn pháp giai không, nhân quả bất không”, nhân quả là sự chuyển biến của vạn pháp. Nhân sẽ biến thành quả, quả sẽ biến thành nhân, nhân quả thay đổi lẫn nhau, tiếp nối không ngừng, ám chỉ sự thay đổi vô cùng vô tận, do đó nói “nhân quả bất không”. Do vì nở hoa trước kết quả sau, hoa là nhân, sau đó là quả, nên cúng hoa là đại biểu tu nhân, hoa tốt thì chúng ta nghĩ quả nhất định sẽ tốt. Thấy hoa, ta liền phải nghĩ đến việc tu nhân thiện, tương lai mới có thể được quả báo tốt. Hoa biểu thị ý này.

Cúng quả, quả biểu thị quả báo, là cái chúng ta mong cầu. Hoa xinh đẹp, nhắc nhở chúng ta phải tu. Trong Phật pháp Đại thừa, hoa đại biểu lục độ, “bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát nhã”, gọi là hoa lục độ, sau đó mới có thể đạt

được quả báo viên mãn. Hoa cúng trước Phật biểu thị ý này, cũng như học sinh trên lớp học hiểu được hoa biểu thị nhân hành, nhưng sau khi rời khỏi Phật điện, chúng ta ra ngoài nhìn thấy hoa, có còn nghĩ đến ý này không? đều phải có khái niệm như vậy. Hiểu Phật pháp, chỉ cần nhìn thấy hoa, liền nhắc nhở chính mình tu nhân thiện, phải tu nhân tốt. Thậm chí quần áo mặc trên người, khi in lên những hoa văn, nhìn thấy hoa liền biết chính mình phải tu hành. Giờ giờ khắc khắc, nhắc nhở chính mình tu nhân thiện mới có thể được quả tốt. Đây là ý nghĩa của việc cúng dường hoa tươi trái cây.

Còn cúng dường thực phẩm, thực tế mà nói không ý nghĩa, không quan trọng. Thực phẩm chỉ biểu thị chút lòng thành của mình. Chúng ta cần thực phẩm ngon, chúng ta cũng đem thực phẩm ngon cúng dường Phật Bồ tát, đây là ý kỷ niệm, cũng là ý tượng trưng.

Đốt hương, hương đại biểu tín hiệu, là một loại tín hiệu, việc này thời xưa ứng dụng rất phổ biến. Nếu các vị đi du lịch đến Trung Quốc thì nên đến tham quan Trường Thành. Mỗi đoạn Trường Thành có một phong hỏa đài dùng để truyền tín hiệu. Phong hỏa đài cũng giống như cái bếp lò, thời xưa việc truyền tín hiệu rất khó, người ta mới nghĩ cách dùng phong hỏa đài, đốt lửa hun khói. Mật độ của khói không giống bình thường, gió không dễ thổi tan, do đó khói được giữ lâu, ở nơi rất xa có thể nhìn thấy và nhận biết nơi đó báo hiệu có biến cố xảy ra. Chúng ta dùng cách biểu đạt đốt hương phát tín hiệu đến chư Phật Bồ tát, để cảm ứng được thông nhau. Thế nhưng hàm ý chân thật, chúng ta thường nói: “Giới định chân hương, ngũ phần pháp thân”, ý này rất sâu. Đốt hương nhắc nhở bạn học nhiều, chúng ta nhìn thấy khói hương, ngửi được mùi hương, liền nghĩ chính mình phải tu giới, định, huệ. Cho nên đốt hương đại biểu “giới định chân hương”, đại biểu “ngũ phần pháp thân”, ngũ phần pháp thân gồm giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Đèn tượng trưng cho trí tuệ quang minh. Thời xưa dùng đèn dầu, đèn cây, ý này càng rõ ràng. Đèn dầu chân thật đốt cháy chính mình để soi sáng người khác, đèn cây lại càng đặc biệt rõ ràng hơn. Chúng ta phải cầu trí tuệ, có thể xả mình vì người; lấy trí tuệ, kỹ năng của chính mình phục vụ xã hội, giúp đỡ tất cả chúng sanh mà không cầu báo đáp, đây là lời Phật dạy. Cho nên đốt hương đèn cây đều là biểu pháp, nếu chân thật làm đúng như vậy, tự nhiên liền được bình an, khỏe mạnh, sống lâu, cho đến thăng quan phát tài. Đó là do trong mạng của bạn đã có theo mối quan hệ nhân quả. Còn trong mạng không có thì Phật Bồ tát cũng không ban được.

Nếu trong mạng của bạn không có tiền tài, Phật Bồ tát có thể giúp bạn phát tài, trong mạng của bạn không có quan vị, Phật Bồ tát ban cho quan cao, thì định luật nhân quả đã bị đánh đổ, làm gì có đạo lý này. Chư Phật Bồ Tát trí tuệ có lớn hơn, năng lực có mạnh hơn cũng không cách nào thay đổi được tí gì nhân quả. Thế gian pháp xây dựng trên nền tảng của nhân quả, Phật pháp cũng xây dựng trên nền tảng của nhân quả, chúng ta phải hiểu tường tận. Kinh Pháp Hoa, Nhất Thừa Nhân quả, kinh Hoa Nghiêm, Ngũ Châu Nhân quả, bạn xem tất cả kinh luận đều không lìa định luật nhân quả. Phật Bồ Tát có thể giúp chúng ta phát tài không? họ có thể, vì họ dạy chúng ta lý luận phát tài, dạy chúng ta phương pháp tu học phát tài. Chúng ta hiểu rõ lý luận, y theo phương pháp này mà tu học, thì tự nhiên đạt được. Không thể nói họ dạy cho bạn, bạn liền trực tiếp phát tài, mà bạn chính mình phải làm. Ví dụ bạn muốn ăn dưa, họ dạy bạn làm thế nào để trồng dưa, làm thế nào chọn hạt giống, làm thế nào để vun xới đất, bón phân cho cây tươi tốt, mau phát triển, bạn làm theo thì tương lai nhất định có thu hoạch tốt. Không thể nói bạn cầu dưa thì họ liền mang dưa đến, không hề có như vậy, đó là mê tín.

Cho đến cầu bình an, cầu khỏe mạnh, Phật cũng dạy bảo chúng ta làm thế nào mới có thể chân thật đạt tự tại, hạnh phúc, mỹ mãn, trong đó đã bao hàm bình an, khỏe mạnh, sống lâu. Phật dạy chúng ta tất cả phải thuận theo tự nhiên, “tự tại tùy

duyên”. Ví dụ người hiện đại nói “hoàn cảnh sinh thái”, mọi người đều biết trên địa cầu này không luận động vật, thực vật đều hỗ trợ lẫn nhau tồn tại, nếu một phương diện nào đó bị phá hoại, nhất định ảnh hưởng đến thứ khác. Hoàn cảnh sinh hoạt tự nhiên của chúng ta đang bị phá hoại nghiêm trọng, không chỉ động vật mà thực vật cũng không còn hoàn cảnh để sinh tồn. Có một số thực vật động vật đã bị diệt chủng, đây đều do hoàn cảnh sinh thái không cân bằng. Trên con người chúng ta, nhục thể là một bộ phận sinh lý, còn một bộ phận nữa là tinh thần, cũng giống như đại tự nhiên không hề khác nhau. Nếu bạn thuận với đại tự nhiên thì bạn nhất định sẽ khỏe mạnh sống lâu, bạn sẽ trải qua đời sống an vui. Nhưng nếu trái với tự nhiên, bạn phá hoại sinh thái tự nhiên, thì bạn sẽ đau khổ bệnh tật cho đến bị một số tai nạn không thể tránh khỏi.

Phật tâm chúng ta vốn thanh tịnh, tâm rộng không. Thế nhưng bạn lại không tìm ra, cho nên Phật pháp dùng bánh xe để biểu thị. Bánh xe tròn biểu thị tâm phải tròn đầy, nhưng sự tròn đầy của tâm là bất khả đắc. Bạn nói đến một điểm thì cái điểm này đã biến thành diện tích, cho nên điểm chỉ là một khái niệm trừu tượng. Tâm viên là một điểm, nhất định có, do đó Phật bảo chúng ta tâm phải thanh tịnh vì tâm chính là tâm viên, là trung tâm vũ trụ, cũng là một trung tâm sinh mạng con người. Tâm tuy nhất định nhưng có cái không thể được, trong lòng nếu ôm chứa một thứ gì thì tâm liền bị hư. Trong tâm bạn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, có lo lắng, dính mắc thì tâm đã hư, bạn đã trái với nguyên tắc của tự nhiên. Còn nếu bạn buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lo lắng, dính mắc, tâm của bạn liền hồi phục bình thường, đây gọi là tùy thuận pháp tắc tự nhiên, do đó tâm phải thanh tịnh, nhất định không có thứ gì.

Thân thì sao? Thân phải hoạt động, thân là một vòng tròn, vòng là động, nếu không động thì hư. Thân phải động, tâm phải tịnh, đây là đạo dưỡng thân, cũng là chân đế dưỡng thân. Thế nhưng hiện tại đặc biệt là người giàu có thì hoàn toàn trái với đạo

này. Bạn xem, tâm phải thanh tịnh, phải vô nhất vật. Lục tổ thiên tông nói “bỏ lai vô nhất vật”, ý nói cái tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lo lắng, dính mắc là vô lượng vô biên, hoàn toàn trái ngược với chân tướng sự thật. Vậy thân cần phải động, bạn muốn sống thì phải động, không động không thể sống. Nhưng nhiều người không muốn động thân, lại cứ động tâm. Thế là, thân tâm họ làm sao tránh khỏi bệnh tật. Bệnh tật từ đây mà ra.

Trong Phật pháp có một phương pháp tu hành là lạy Phật. Mỗi ngày lạy mấy trăm lạy thậm chí mấy ngàn lạy. Người lạy nhiều nhất đến ba ngàn lạy. Khi lạy Phật, thân đang vận động, tất cả bộ phận đều vận động là dưỡng thân. Ngoài việc lạy Phật ra, lao động cũng là dưỡng thân. Tâm thanh tịnh, không vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không lo lắng, dính mắc, tự nhiên con người hạnh phúc khỏe mạnh sống lâu. Cho nên Phật pháp giảng đạo lý, dạy bạn những phương pháp này đều phù hợp với chân tướng sự thật, tương ứng với hoàn cảnh sinh thái tự nhiên, bạn mới có thể chân thật đạt khỏe mạnh sống lâu, cho đến phước báu khác. Mỗi người đều có thể đạt đến hạnh phúc mỹ mãn bất luận giàu có hay bần tiện. Giàu có hay bần tiện là do tu đức. Tiền của từ bố thí tài mà ra. Bố thí tài là nhân, được tiền của là quả báo. Bạn tu nhân nhất định được quả báo. Nếu đời quá khứ hoặc hiện tại không tu nhân, bạn muốn phát tài cũng không thể. Hãy đọc qua Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu, chân thật là “Một bữa ăn, một ngụm nước đều do tiền định”.

Trong mạng đã có, dù bỏ cũng không mất; trong mạng không có, dù cầu cũng không được. Phật Bồ Tát, thiên địa quỷ thần cũng không cách gì. Bạn cầu Phật Bồ tát, cầu quỷ thần, cầu phát tài, quả nhiên liền phát tài, thành thật mà nói đó là trong mạng của bạn đã sẵn có, vừa khéo ngay lúc này gặp được cơ duyên, chứ không phải Phật Bồ tát linh hiển. Nếu quả thật Phật Bồ tát quỷ thần có linh thì một trăm người cầu phát tài, một trăm người đều phát tài, mới gọi là linh. Một trăm người cầu, mà chín mươi chín người phát tài, còn một người chưa thì vẫn không linh.

Cho nên đầu óc chúng ta phải bình lặng, không để bị người lừa gạt, càng không nên bị quỷ thần lừa gạt. Bị người lừa gạt còn có thể tha thứ, nhưng bị quỷ thần lừa gạt là một việc không thể tha thứ. Phải có lý tánh, có trí tuệ mà quán sát, chúng ta mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Tóm lại, cúng dường Phật Bồ Tát những đồ cúng đều là biểu pháp, tuyệt đối không phải vì các ngài cần, mà nhờ vào những thứ này, mỗi giờ mỗi khắc nhắc nhở chính mình, để sáu căn của mình tiếp xúc với cảnh giới sáu trần niệm niệm đều có thể đạt được giác không mê, chánh không tà, tịnh không nhiễm. Chẳng hạn gia đình nghèo khó, không có khả năng mua sắm đồ cúng, vậy chúng ta ở trước mặt tượng Phật, cúng dường đơn giản nhất một ly nước. Đây là vật cúng quan trọng nhất trong các đồ cúng, nước biểu thị cái gì? Nước biểu thị cho tâm, nước trong sạch biểu thị tâm thanh tịnh. Nước không nổi sóng là bình, biểu thị bình đẳng. Cúng dường một ly nước, nhìn thấy nước nghĩ ngay đến thanh tịnh bình đẳng, đây là đồ cúng vô cùng quan trọng. Bạn có thể không cần thắp hương, không đốt đèn nến, cũng không cần hương hoa trái cây cúng dường, nhưng không thể không cúng một ly nước vì nó đại biểu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Nhìn thấy nước liền nghĩ ngay đến chính mình, trong tất cả cảnh duyên, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, phải biết thanh tịnh bình đẳng. Tâm thanh tịnh bình đẳng là tâm Phật, cũng chính là chân tâm.

3. Vấn đề thứ ba, cũng là một hiện tượng phổ thông hiện tại. Họ nói: “Người thông thường trước khi chính thức cúng dường hình tượng Phật Bồ tát đều phải cử hành nghi thức khai quang điểm nhãn. Ý nghĩa của khai quang là gì? Có cần thiết hay không? Khi khai quang thì tượng Phật liền linh; không khai quang thì tượng Phật không linh, rốt cuộc người như thế nào mới đủ tư cách để khai quang cho hình tượng Phật Bồ tát.

Vấn đề này, ngày trước khi tôi giảng kinh cũng đã nhiều lần nhắc đến. Thông thường khai quang đều hướng đến hình thức mê tín, làm cho ý nghĩa của sự khai quang hoàn toàn bị sai lệch. Thực tế, việc khai quang rất quan trọng, ý nghĩa chân thật của nó là nói rõ ý cúng dường một hình tượng Phật Bồ tát ở đâu. Việc này cũng giống như hình tượng một vĩ nhân ở thế gian, chúng ta xây dựng xong thì cử hành một đại lễ khai mạc. Ngay trong đại lễ, nhất định phải thuyết minh rõ cho đại chúng, nói rõ nhân vật đó khi còn ở đời, sự nghiệp vĩ đại của họ, họ có cống hiến đối với đại chúng trong xã hội, có cống hiến cho quốc gia dân tộc. Phải giảng giải rõ ràng, tường tận để xã hội đại chúng thấy được hình tượng liền khởi tâm niệm muốn làm theo, đây chính là ý nghĩa khai quang của Phật giáo. Ví dụ chúng ta cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm, làm xong hình tượng Bồ tát Quán Thế Âm, chúng ta phải thờ cúng, cúng dường lễ lạy. Khi thờ cúng, chúng ta nhất định phải nói rõ với đại chúng, vì sao chúng ta cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm, ý nghĩa của việc cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm là gì? Vậy nhờ vào tôn tượng mà khai mở ánh sáng tự tánh của chính mình. Cho nên không phải người đến khai quang cho Phật Bồ tát mà nhờ vào hình tượng của Phật Bồ tát để khai quang cho chúng ta.

Nếu như nói, “Phải mời một vị pháp sư đến khai quang cho tượng Bồ tát Quán Thế Âm này thì ngài mới linh, không khai quang thì các ngài không linh”, rất nhiều người cũng tìm đến tôi nhờ khai quang cho Phật Bồ tát. Tôi liền thành thật nói với họ: “Bạn không cần cúng dường Phật Bồ Tát”. Họ hỏi vì sao. Tôi trả lời: “Tôi bảo họ linh thì họ linh, bảo họ không linh thì họ không được linh, vậy thì tôi linh hơn họ, bạn cúng dường tôi là tốt rồi, cúng dường họ làm gì”. Bạn thử nghĩ xem có đúng không, đây gọi là mê tín. Nếu tôi làm bộ làm tịch họa họa vẽ vẽ cho họ thì họ liền linh, các vị thử nghĩ xem, há chẳng phải tôi còn linh hơn họ hay sao? Ngay đến điểm này mà nghĩ không thông, vậy thì ngu si mê muội của bạn đã lên đến tột cùng, người đầu óc bình lặng thông minh, vừa nhìn là hiểu rõ mọi việc, liền thông

suốt chân tướng sự thật. Khai quang cho Phật Bồ tát hiển linh là lừa gạt chúng sanh.

Khai quang là nêu rõ ý nghĩa mà vị Phật Bồ Tát này biểu thị. Ví dụ cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm, đại biểu của Bồ tát Quán Thế Âm là đại từ đại bi cứu độ tất cả chúng sanh. Chúng ta cúng dường Bồ tát Quán Thế Âm phải nên học loại bi nguyện đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn của Phật Bồ tát. Do đó khi nhìn thấy hình tượng của Bồ tát Quán Thế Âm, nghe đến danh hiệu ngài, thì tâm đại từ bi của chúng ta được khai mở. Chúng ta đối với tất cả mọi người, mọi việc, mọi vật, phải dùng đại từ bi chân thật thương yêu quan tâm giúp đỡ.

Từ danh hiệu và hình tượng Phật Bồ tát, chúng ta được khai mở ánh sáng từ bi trong tự tánh, đây gọi là khai quang, ý nghĩa như vậy, nhất định không nên hiểu sai, trở thành mê tín. Mê không thể giải quyết vấn đề, chỉ có trí tuệ mới có thể giải quyết được, việc này người học Phật không thể không biết.

Người như thế nào mới có tư cách khai quang cho tượng Phật? Người đối với kinh luận của Phật Bồ tát, khởi nguồn lịch sử, ý nghĩa mà các ngài biểu đạt đều có thể thông suốt tường tận, vì mọi người giải thích rõ ràng, giảng nói minh bạch. Tuyệt đối không ở trên hình thức. Mỗi hình thức đều có ý nghĩa giáo dục rất sâu, đều phải đem nó giảng giải rõ ràng, tường tận, mới không đến nỗi đi vào mê tín, xem Phật Bồ tát thành quỷ thần để tôn thờ, sùng bái, mong cầu ban phước. Đó là quan niệm sai lầm.

4. Vấn đề thứ tư, họ nói thời nay trên toàn thế giới, mật tông tương đối thịnh hành. Thế nhưng có vài việc khiến mọi người lo lắng, đó là quán đánh. Ý nghĩa của việc quán đánh là thế nào? Tiếp nhận quán đánh có thể tiêu trừ nghiệp chướng hay không? Thượng sư mật tông dùng quán đánh để tiêu trừ nghiệp chướng cho mọi người? Và làm thế nào mới có thể mau tiêu trừ nghiệp chướng?

Quán đánh có ý nghĩa quan trọng mà chúng ta không thể không biết. Nếu quán đánh trên hình thức, rưới vài giọt nước lên đầu bạn, nghiệp chướng của bạn liền được tiêu trừ, bạn có thể tin được hay không?

Trước tiên tôi muốn hỏi bạn, nghiệp chướng là gì? Bạn phải hiểu rõ ràng về nghiệp. Nghiệp là tạo tác của bạn, đơn giản mà nói, bạn đối với vũ trụ nhân sanh có cách nghĩ sai lầm, có cái thấy sai lầm, cách nói sai lầm, cách làm sai lầm, bạn ở ngay đó tạo tác gọi là “nghiệp”. Những nghiệp này chướng ngại thanh tịnh của bạn, chướng ngại tự tánh giác của bạn, gọi là “nghiệp chướng”. Vậy thượng sư quán đánh cho bạn, nghiệp chướng của bạn có được tiêu trừ hay không, bạn liền được tâm thanh tịnh hay không? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của bạn có thấy đều tiêu hết, bạn đối với vũ trụ nhân sanh quá khứ, hiện tại, vị lai không gì không biết, không gì không thể? Được như thế mới chân thật là nghiệp chướng được tiêu trừ. Sau khi được quán đánh, bạn thử quán sát xem, vọng tưởng phân biệt chấp trước của bạn có phải đã được tiêu trừ, hoặc giảm ít cũng là rất tuyệt. Còn nếu sau khi được quán đánh, vọng tưởng phân biệt chấp trước không hề giảm, thậm chí còn tăng thêm, thì do đây mà biết, hoàn toàn không hề có hiệu quả.

Trong chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói rất rõ ràng, minh bạch, bởi vì bản thân ông là thượng sư của mật tông nên lời ông nói chân thật, không hề gạt người. “Quán” mang ý từ bi gia trì, sự quan tâm, thương yêu, giúp đỡ bạn, đây là ý nghĩa của việc quán đánh. “Đánh” là đại pháp chí cao vô thượng, nói cách khác, đem đại pháp chí cao vô thượng truyền thụ cho bạn, gọi là “quán đánh”. Không phải đem vài giọt nước rưới lên đầu bạn là “quán đánh”, nếu quán đánh như vậy, buổi tối mỗi ngày bạn vào nhà tắm tắm rửa, vậy thì gọi là đại quán đánh rồi, thoải mái dường nào.

Không nên mê tín, đó chỉ là biểu pháp của việc lấy nước cam lộ để quán đảnh. Cam lộ đại biểu Phật pháp chí cao vô thượng. Nếu mọi người hiểu được đạo lý này sẽ biết được kinh Vô Lượng Thọ là đại pháp chí cao vô thượng trong tất cả kinh điển. Bạn đọc qua một lượt từ đầu đến cuối kinh Vô Lượng Thọ, tức là không chỉ Phật A Di Đà quán đảnh một lần cho bạn mà mười phương tất cả chư Phật vốn đều hoằng dương pháp môn này, nên mười phương tất cả chư Phật quán đảnh cho bạn mặc dù bạn không hề biết. Đây là chân thật quán đảnh, không hề lừa gạt bạn. Bạn không hiểu được đạo lý này mà cứ đi cầu mật tông thượng sư rảy vài giọt nước lên đầu rồi bạn liền cho rằng có thể tiêu nghiệp chướng, thực tế nghiệp chướng không hề tiêu, mà còn không ngừng tăng thêm, bởi vì tâm bạn là tâm mê hoặc, điên đảo; cách làm này của bạn là cách làm sai lầm, chính bạn hoàn toàn không hề biết. Bạn rơi vào con đường mê tín thì làm sao có thể được công đức lợi ích, làm sao bạn có thể tiêu nghiệp chướng, việc này cần phải hiểu rõ.

5. Vấn đề thứ năm, *câu hỏi “Trong xã hội hiện đại, mật tông, thiên tông đều rất thịnh hành. Mật tông thì nói ‘tức thân thành Phật’, thiên tông lại nói ‘minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật’, vậy rốt cuộc việc thành Phật là như thế nào”?*

Chữ “Phật” là từ âm tiếng Phạn Ấn Độ mà dịch ra, kỳ thật chữ này có thể đem dịch sang Trung văn, nhưng tại sao lại không dịch? Vì trong trung tâm dịch kinh thời xưa quan niệm có năm loại không dịch. Từ này thuộc về lòng tôn kính nên không dịch. Chỉ có thể dịch âm, ý nghĩa là trí tuệ, giác ngộ. Tuy nhiên hàm ý trong danh từ “Phật” vượt ra ngoài lý giải của chúng ta. Trí tuệ của ngài là trí tuệ viên mãn, giác ngộ của ngài là triệt để giác ngộ. Nói cách khác, đối với cả vũ trụ nhân sinh, thậm chí đến quá khứ vị lai, chân thật không gì không biết, không gì không giác. Phải đạt đến cảnh giới như vậy mới gọi là thành Phật.

Nếu các vị hiểu rõ hàm ý của chữ Phật này thì liền biết “tức thân thành Phật” của mật tông có thể thành được hay không? Ngay trong đời hiện tại, hoặc trong thời gian tu học ngắn ngủi của bạn, bạn có thể tường tận thông suốt được chân tướng của vũ trụ nhân sinh hay không? không hề tường tận là không thể thành Phật. Lời nói của thiền tông so với “tức thân thành Phật” của mật tông, tôi cảm thấy ý nói tiến bộ thêm một chút. Vì nó có điều kiện, điều kiện là minh tâm kiến tánh, kiến tánh mới thành Phật. Ai có thể đạt đến được minh tâm? . Do đây mà biết, tâm chúng ta không minh, hiện tại tâm này bị mê hoặc. Yêu cầu tu học của thiền tông là phá trừ mê hoặc, hồi phục tự tánh. Khi mê, Phật pháp gọi là “tâm”, khi giác ngộ thì gọi là “tánh”. Các vị phải biết “tâm” cùng “tánh” là một thể. Nếu tâm sáng suốt thì gọi là bản tánh, nhà Phật gọi là “chân như”. Lúc nào bạn đã kiến tánh, minh tâm thì lúc đó gọi bạn là Phật, bạn không còn là phàm phu nữa. Khác biệt giữa phàm phu và Phật ở chỗ này. Phàm phu chúng ta phải mặc áo ăn cơm, Phật Bồ tát cũng mặc áo ăn cơm; phàm phu chúng ta có công việc, Phật Bồ tát mỗi ngày cũng làm việc, trên sự tướng thì không hề khác nhau, khác biệt chính là cảnh giới. Họ có trí tuệ chân thật, chân thật không gì không biết, không gì không thể. Nếu chúng ta hiểu rõ thì liền hiểu được hai câu nói này.

Tuy trong kinh luận, trong chú sớ của đại đức xưa có, nhưng trên thực tế thì tuyệt đối không phải người thông thường có thể làm được. Nói đến “tức thân thành Phật” của mật tông, trong Văn Sao của Ấn Quang đại sư đã nói rất rõ ràng, chúng ta không cần phải bàn nhiều. Trước khi lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vãng sanh không lâu, tôi có gặp ông, ông cũng là truyền nhân của mật tông, bản thân ông là Kim Cang Thượng sư. Ông rất thành thật nói với tôi: “vào thời đại này, căn cơ để học mật đã không còn nữa”, nói cách khác, học mật nếu muốn ngay đời này thành tựu thì không thể tìm ra. Mật tông không thể thành tựu, thiền tông cũng rất khó tương tự. Kinh Đại Tập, Phật nói: “Thời kỳ mật pháp chỉ có pháp môn tịnh độ đời nghiệp

vãng sanh”, pháp này dễ dàng thành tựu, hơn nữa còn thành tựu ổn định. Chúng ta tuân theo lời giáo huấn của Phật Thích Ca Mâu Ni chính là học sinh tốt của Phật, chăm chỉ nỗ lực niệm Phật, y theo ba kinh một luận của tịnh độ mà tu tập, tương lai nhất định có kết quả tốt đẹp.

Từ xưa đến nay, niệm Phật vãng sanh đã có rất nhiều tướng lạ không thể nghĩ bàn. Những người này biểu hiện rõ ràng để chúng ta xem. Mật tông “tức thân thành Phật”, chúng ta chưa hề thấy qua, cũng không hề nghe nói. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không dám nói mình “tức thân thành Phật”. Lão pháp sư Đàm Hư sống đến hơn chín mươi tuổi mới vãng sanh. Sinh tiền ông nói với người rằng ông gặp qua rất nhiều vị thiện tri thức của thiên tông, gặp qua người có được thiên định, nhưng chưa gặp qua người khai ngộ, cũng chính là người “minh tâm kiến tánh”. Không những không thấy qua mà còn không hề nghe nói. Do đây có thể biết, mật và thiên rất khó, tuyệt đối không phải người thông thường có thể thành tựu.

Đại sư tổ thứ sáu thiên tông nói rất hay, đối tượng mà ngài tiếp dẫn là người thượng thượng căn. Chúng ta tự nghĩ xem mình có căn khí thượng thượng căn hay không?. Thế nào gọi là thượng thượng căn? phiền não nhẹ, trí tuệ lớn. Nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất ít; sáu căn thông lợi, mắt vừa thấy, tai vừa nghe, thân vừa tiếp xúc liền thông đạt, liền thông suốt, hơn nữa không có sai lầm. Căn tánh như vậy mới xem là người thượng thượng căn, bạn mới có duyên phận tiếp nhận tu học pháp môn này.

Điều kiện của mật tông thì cao hơn. Trong kinh đại thừa, mật tông nói “tức thân thành Phật”, lời nói này cũng không phải giả, học Phật không học mật nhất định không thể thành Phật, có thể thấy được mật rất quan trọng. Mật không phải là bí mật, Phật pháp không có bí mật. Phàm có bí mật, thì đó không phải là việc tốt, tại sao? vì không thể nói với người thì sao là việc tốt được. Phật pháp nói cái mật này

là thâm mật, không phải thiển trí, không phải người huệ ít mà có thể lãnh ngộ, cho nên gọi nó là mật. Vậy lúc nào mới có thể chính thức bắt đầu học mật?, pháp đại thừa nói, khi thành Bát Địa Bồ Tát. Liệu bạn đang là Bồ tát địa thứ mấy? Bồ Tát Bát Địa chính thức học mật vì họ đã chứng được bất động địa.

Thông thường chúng ta nói tu hành thành Phật cần phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp, người hiện đại gọi con số này là con số thiên văn, không phải tính từ hiện tại, cũng không tính từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của chúng ta, mà tính từ ngày bạn phá được nhất phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Rõ ràng hơn, nếu bạn đoạn kiến tư phiền não, siêu việt sáu cõi luân hồi, chứng được quả A La Hán, đã là rất tốt, vậy cũng không tính. Bạn có thể tiến thêm một bước, phá trần sa vô minh siêu việt mười pháp giới, vẫn chưa tính. Cần phải tiến thêm một bước nữa, phá nhất phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, lúc đó bắt đầu tính từ ngày này, thực tế chính là bốn mươi một vị pháp thân đại sĩ mà kinh Hoa Nghiêm đã nói. Ba a tăng kỳ kiếp là nói đối với họ, không phải nói với chúng ta, chúng ta không có phần.

Một a tăng kỳ kiếp tu mãn ba mươi ngôi thứ, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hương, đây là Viên Giáo. A tăng kỳ kiếp thứ hai tu mãn bảy ngôi thứ, từ sơ địa đến thất địa. A tăng kỳ kiếp thứ ba tu mãn ba ngôi thứ, bát địa, cửu địa, thập địa, càng lên cao, càng khó khăn. Vậy Bồ tát Bát Địa, việc tu hành của họ đã tiến vào thời kỳ đầu của ba a tăng kỳ kiếp, lúc này họ mới chính thức học mật, làm gì có phần của chúng ta. Không thể nói truyền cho bạn mấy câu chú, ngày ngày trì chú, học vài thủ ấn thì gọi là học mật. Đó chỉ là hình thức của mật, không phải thật. Những thường thức này chúng ta nhất định phải hiểu, về sau mới không sanh ra quan niệm sai lầm.

6. Vấn đề thứ sáu, những năm gần đây trong lẫn ngoài nước, thời gian tôi ở tương đối ít, phần nhiều thời gian đều ở nước ngoài, nhất là nước Mỹ, tôi thường

nghe các đồng tu nói, có một vị pháp sư, một vị đại đức, một vị Lạt Ma nào đó tự xưng họ chính là Bồ tát tái sanh, Phật tái sanh. Người ta đến hỏi tôi rằng những lời nói này rốt cuộc thật hay giả.

Thực tế họ đã hỏi sai người, tôi làm sao biết được. Nếu tôi biết được thì chẳng phải tôi đã thành Phật rồi. Tôi chưa thành Phật, làm sao tôi biết họ thành Phật; tôi không phải là đại Bồ tát tái sanh thì làm sao tôi biết họ là đại Bồ tát tái sanh. Do đó, những truyền thuyết này đã mê hoặc rất nhiều đồng tu học Phật trong xã hội, đặc biệt là sơ học. Thậm chí không chỉ sơ học, ngay đến lão tu cũng bị họ mê hoặc. Tuy không biết họ là thật hay giả, nhưng trên kinh Phật có thuyết minh, chư Phật Bồ tát ứng hóa ở thế gian này đích thực rất nhiều. Khi chúng sanh có khổ nạn to lớn, chư Phật Bồ tát đại từ đại bi ứng hóa ở thế gian, cùng hòa mình với tất cả đại chúng, không nhất định dùng thân phận gì. Giống như trong Phổ Môn Phẩm đã nói, Bồ tát Quán Thế Âm hiện ba mươi hai tướng, nên dùng thân gì để độ, ngài liền hiện ra thân đó, nam nữ già trẻ, trong các nghề nghiệp đều có Phật Bồ tát hóa thân. Thế nhưng có một nguyên tắc, họ nhất định không để lộ ra thân phận, nếu lộ ra thân phận, họ lập tức phải ra đi, không thể lưu lại thế gian này. Việc này chúng ta đã xem thấy trong lịch sử, thân phận vừa lộ, mọi người biết, họ liền ra đi, đó chính là thật. Còn nếu nói thân phận lộ ra mà họ vẫn không đi, thì việc này trở nên kỳ lạ, không hề tương ứng với kinh, do đó mà biết không phải thật. Không phải thật chính là giả mạo Phật Bồ tát lừa gạt chúng sanh, thu danh vọng lợi dưỡng, tạo tội nghiệp. Chúng ta hiểu những thường thức này thì sẽ không đến nỗi bị lừa.

Gần đây nhất, mọi người mới biết đại sư Ấn Quang là Bồ tát Đại Thế Chí hóa thân tái sanh. Bạn xem hành nghiệp cả đời ngài cùng với người phổ thông phạm tục không hề khác biệt. Thế nhưng xem việc tu hành của ngài, xem ngài giáo hóa chúng sanh, đích thực rất tương ứng với nguyên lý nguyên tắc trong Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương. Việc ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sanh do một vị

cur sĩ nói trong sách Vĩnh Tư Tập. Trước khi đại sư vãng sanh bốn năm, lúc đó vị cur sĩ này là một học sinh sơ trung, chưa hề tiếp xúc Phật giáo cũng không tin Phật giáo. Cô gặp qua một giấc mộng thấy Bồ Tát Quán Thế Âm mặc áo trắng nói với cô rằng, Bồ Tát Đại Thế Chí đang giảng kinh thuyết pháp tại Thượng Hải, khuyên cô đi nghe. Cô hỏi: “Vị nào là Đại Thế Chí Bồ Tát?”. Ngài liền nói: “Vị ấy là pháp sư Ấn Quang”. Sau đó cả nhà đi gặp pháp sư Ấn Quang, đem sự việc nằm mộng nhìn thấy được nói ra. Pháp sư Ấn Quang mắng cô một trận vì tội yêu ngôn hoặc chúng, về sau không được phép nói nữa, nếu nói nữa thì cô đừng đến chỗ ngài. Cô mất hồn không dám nói nữa. Bốn năm sau, Ấn Quang đại sư vãng sanh, cô mới đem việc này công bố ra.

Cho nên chân thật là người tái sanh nhất định sẽ không để bộc lộ thân phận. Bộc lộ thân phận mà không đi, là có vấn đề. Pháp sư Ấn Quang một mực phủ nhận, làm gì có việc tự mình xưng là Phật Bồ Tát tái sanh. Chúng ta phải cẩn thận để ứng phó.

7. Vấn đề thứ bảy, xã hội lưu hành phổ biến tập tục cúng bái. Ở Đài Loan, phương Nam Trung Quốc từ xưa thường chọn ngày mùng một, và mười lăm đi lễ chùa, mục đích cầu phước, cầu khỏe mạnh sống lâu, thăng quan phát tài. Có hiệu quả không?

Những sự lý này, bình thường trong lúc giảng kinh chúng ta đều đã nói qua nhiều lần. Xin nói với các vị, không có hiệu quả. Tuyệt đối không phải bạn đi bái lạy thì chân thật có thể tiêu tai được phước, làm gì dễ đến vậy. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý nhân quả. Tai nạn có nhân duyên của tai nạn, phước đức có nhân duyên của phước đức. Trồng nhân thiện nhất định được quả thiện, viển ly tất cả nhân ác thì bạn sẽ không gặp phải tai nạn. Nhân duyên quả báo là chân lý, chúng ta phải tin tưởng.

Người thế gian, đặc biệt là những quốc gia đang mở cửa, đời sống nhân dân giàu có, khi giàu có thì tăng thêm lòng tham sân si. Trước tiên là phải cầu sống lâu, cầu không già, Tần Thủy Hoàng, Hán Võ Đế thời xưa cầu sống lâu không già, hiện tại nhân gian cũng đều đang mong cầu sống lâu không già, nhưng có thể cầu được hay không? Tần Thủy Hoàng chết rồi, Hán Võ Đế cũng chết rồi, chúng ta phải tin tưởng sanh ra thì nhất định phải chết, ai có thể thoát được cửa này.

Xã hội hiện tại xem tướng, đoán mạng, xem phong thủy thì làm ăn sẽ đặc biệt hưng vượng. Tướng mạng phong thủy có hay không? đích thực là có, tướng mạng là số, phong thủy là hoàn cảnh cư trú. Người thông thường không có sức định, không có trí tuệ, tâm tùy cảnh chuyển, cho nên hoàn cảnh cư trú ảnh hưởng tâm trạng của họ, vậy thì hoàn cảnh cư trú không thể không xem trọng, không thể không chọn lựa. Nhưng tốt xấu của phong thủy thì tuyệt nhiên không hề nhất định, ông này ở đây thì rất tốt, ông kia ở đây lại chưa hẳn thích hợp. Do đây mà biết, hoàn cảnh cư trú đều do nhân của người mà khác nhau, nó không cố định.

Ngạn ngữ có câu “Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”, lời nói này rất có đạo lý. Nếu bạn chân thật có phước báu, phong thủy nơi bạn ở vốn dĩ không tốt, nó tự nhiên sẽ đổi tốt, cảnh tùy tâm chuyển, việc này Phật đã nói. Cảnh chính là phong thủy, là hoàn cảnh cư trú, tùy theo tâm chuyển. Chúng ta nương vào nguyên tắc này để xem hoàn cảnh địa cầu của chúng ta hôm nay, đại hoàn cảnh mà chúng ta đang cư trú. Tâm người hiện tại tham sân si mạn đang gia tăng tốc độ, làm cho đại hoàn cảnh của chúng ta vốn dĩ tốt đẹp, nhưng hiện tại đã bị tàn phá, đây không phải là phong thủy tùy theo tâm chuyển hay sao?. Đại hoàn cảnh mà như vậy, thì hoàn cảnh nhỏ cũng không ngoại lệ.

Kim Sơn Hoạt Phật là pháp sư Diệu Thiện, chùa Kim Sơn Trấn Giang đầu năm dân quốc, con người này khi còn ở đời, hình tướng của ngài gần giống Tế Công

Trưởng lão thời xưa, biểu hiện khùng khùng điên điên, nhưng lời ngài nói, việc ngài làm, chân thật là sự nghiệp Như Lai. Ngài đã từng có một đoạn nói đến việc đoán mạng: “Tiên sinh đoán mạng, ngay đến mạng của chính mình cũng không biết thì làm sao có thể biết được mạng của người khác”. Họ làm nghề xem tướng đoán mạng vì muốn kiếm tiền sinh sống thì họ làm gì đoán đúng được. Đoán mạng chuẩn xác chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài là bậc cao minh đoán rất chuẩn. Ngài kết luận, không nên tin tưởng mạng, phải tin tưởng nghiệp, vì mạng do nghiệp tạo. Không làm việc ác, mạng của bạn liền sẽ tốt; còn bạn không ngừng tạo ác, vẫn hại người lợi mình mà còn mong mạng mình tốt, làm gì có đạo lý này. Chúng ta trong lúc giảng kinh cũng thường hay nhắc nhở đồng tu, hại người nhất định không thể lợi mình. Chỉ cần bạn bình lặng quan sát từ lịch sử đến xã hội hiện đại, phạm hễ làm những việc hại người lợi mình, đến sau cùng đều thất bại thâm, Phật pháp gọi là “báo ứng hiện đời”. Còn quả báo đời sau thì nhất định ở ba đường khổ, còn gì khổ hơn?

Chân thật lợi mình chính là lợi người. Bạn lợi ích chúng sanh càng nhiều thì lợi ích chính mình cũng sẽ càng to lớn. Cho nên người thông minh, người có trí tuệ luôn chân thật cầu lợi ích cho mình. Phương pháp tự lợi là toàn tâm toàn lực lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội. Thánh hiền thế xuất thế gian thường dạy bảo chúng ta như vậy, chúng ta phải nghiêm túc tư duy mà thể hội, sau đó liền sẽ tiếp nhận và y giáo phụng hành. Pháp sư Diệu Thiện nói: “chúng ta phải tin tưởng nghiệp, không cần lo nghĩ đến vấn đề vận mạng”, không cần thiết phải xem tướng đoán mạng cũng không cần phải xem phong thủy.

Nếu trong hoàn cảnh cư trú này, bạn cảm thấy rất tốt thì đó chính là phong thủy tốt, thích hợp với bạn. Bày trí giường đơn, bàn ghế sao cho thích hợp, bạn cảm thấy thoải mái chính là phong thủy tốt đối với bạn. Mời thầy xem phong thủy rồi bày trí theo ý ông ta, như vậy vận mạng của bạn đã bị người khác sắp xếp, không chế. Bạn

sẽ thật tội nghiệp. Tuy bạn có tiền của, có địa vị, có phú quý, nhưng bạn ngu si, mặc tình cho người khác bỡn cợt. Đây là người đáng thương mà kinh Phật đã nói. Phật dạy người phải đội trời đạp đất, dạy người tự làm chủ thể, không nên nghe người sắp đặt. Những mê tín này nhất định phải phá trừ.

Hãy đọc nhiều sách thánh hiền. Phần lớn sách thánh hiền đều do người xưa viết. Văn tự thời xưa ngày nay chúng ta gọi là văn ngôn văn, còn hiện tại giáo dục học đường dùng văn bạch thoại. Thế là gặp chướng ngại về văn tự, nhưng chướng ngại này không lớn, chúng ta dễ dàng vượt qua. Văn ngôn văn là trí tuệ cao độ của lão tổ tông Trung Quốc phát minh. Cổ thánh tiên hiền luôn nghĩ cách đem trí tuệ và kinh nghiệm trong đời sống của họ truyền cho người sau tham khảo, đây là việc đại sự. Để có phương pháp truyền, họ mới phát minh văn ngôn văn.

Vì sao họ lại nghĩ đến phương pháp này? bởi vì họ biết ngôn ngữ sẽ tùy theo thời đại, tùy theo khu vực mà thay đổi. Nếu dùng ngôn ngữ thông thường để ghi chép thì chỉ truyền được mấy mươi năm, cao lắm là mấy trăm năm, người sau xem sẽ không hiểu. Cũng giống như phương Tây hiện tại, chữ viết La Tinh đến nay chỉ có rất ít chuyên gia còn đang tìm tòi, tuyệt đại đa số người không nhận được lợi ích, thật đáng tiếc. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất thông minh, họ đem ngữ và văn phân khai. Ngôn ngữ tùy theo bạn thay đổi nhưng văn nhất định không đổi, khi vừa đối chiếu liền đúng. Cho nên ngày nay chúng ta hơi hơi hiểu được văn ngôn văn. Bạn đọc Luận Ngữ cũng giống như đang nói chuyện với Khổng Lão Phu Tử, không hề khác biệt. Khổng Lão Phu Tử cách chúng ta 2500 năm, sự truyền đạt qua từng ấy năm vẫn không thay đổi, đây là ưu điểm của văn ngôn văn. Bất cứ quốc gia chủng tộc nào trên toàn thế giới cũng không tìm ra.

Ân trạch tổ tiên đối với đời sau chúng ta lớn dường bao, chúng ta phải mang ân đội nghĩa. Biểu thị cảm ân cụ thể là phải học văn ngôn văn. Học tập văn ngôn văn

không khó. Nếu các vị đến phòng triển lãm ở Cố Cung hoặc đến thư viện lớn, bạn tìm những quyển sách kết bằng chỉ sẽ thấy cách làm văn của học sinh tiểu học đầu năm Dân Quốc đều là văn ngôn văn. Tuổi tác của họ khi đó không quá tám chín tuổi. Có thể thấy việc học văn ngôn văn không khó, tám chín tuổi trở lại đã viết văn ngôn văn rất đẹp. Ngày trước, khi tôi cầu học ở Đài Trung, lão sư của tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy, chúng ta học kinh giáo không thể không học văn ngôn văn. Phương pháp học tập văn ngôn văn chính là học thuộc. Người hiện tại vừa nghe đến học thuộc thì mắt hờn, họ không biết thuộc lòng là căn bản học tập, tuyệt nhiên không khó. Mỗi tuần bạn học thuộc một thiên cổ văn, một năm có thể thuộc năm mươi thiên cổ văn. Chọn năm mươi thiên trong “Cổ văn quán chi” mà học, sau một năm, bạn liền có năng lực viết văn ngôn văn. Văn ngôn văn là nét đặc sắc trong văn hóa vốn có của Trung Quốc, thù thắng không gì bằng, vạn nhất chúng ta không thể xem thường. “Tứ Khố Toàn Thư” là di sản văn hóa, văn ngôn văn là chìa khóa. Bạn cầm được chiếc chìa khóa thì sẽ tiếp nhận và thọ dụng được di sản văn hóa. Bảo tàng trí tuệ, cội nguồn của kinh nghiệm, văn tự của kinh Phật so với cổ văn trở nên dễ hiểu hơn nhiều, đều do những đại sư dịch kinh năm đó muốn đem Phật pháp tuyên dương rộng khắp để tất cả đại chúng dễ dàng tiếp nhận. Cho nên kinh Phật khi chúng ta xem thấy dễ hiểu. Văn học gọi loại văn tự trong kinh Phật là biến văn.

Chúng ta nên chú trọng việc dạy con em học thuộc cổ văn, sau đó bạn mới có thể dẫn đạo nó. Hiện tại học thuộc một hai trăm thiên, tương lai cả đời thọ dụng, cả đời cảm kích cha mẹ khôn cùng. Tôi ở nước ngoài thường khích lệ đồng tu học Phật, tốt nhất nên dùng kinh Vô Lượng Thọ răn dạy con em, xem kinh Vô Lượng Thọ là cổ văn để học. Kỳ thực văn tự của kinh Vô Lượng Thọ tuy là văn ngôn văn đơn giản dễ hiểu nhất nhưng trong đó tổng cộng có bốn mươi tám phẩm gần bằng năm mươi thiên mà lão sư Lý yêu cầu chúng tôi phải học thuộc. Các bạn nhỏ học thuộc

bộ kinh này nhất cử được bốn lợi. Thứ nhất ở hải ngoại, nó không thể quên ngôn ngữ Trung Quốc; thứ hai nó biết chữ Trung Quốc; thứ ba nó có cơ hội học tập văn ngôn văn dễ hiểu, thứ tư nó đồng thời được học Phật pháp. Nếu chúng ta chân thật thương yêu con em thì phải làm như vậy.

8. Vấn đề thứ tám, đại chúng trong xã hội thường hiểu lầm và hoài nghi việc niệm Phật cầu sanh thế giới Tây phương cực lạc.

Người niệm Phật đương nhiên không hoài nghi đối với những gì Phật đã nói. Phật dạy người không vọng ngữ, vọng ngữ là đại giới của nhà Phật thì Phật làm gì vọng ngữ. Phật nói thế giới Tây phương cực lạc nhất định là chân thật. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển cũng phát hiện ra vô lượng tinh cầu trong thái hư không. Hiện nay cũng thường nghe nói đến người ngoài hành tinh, người ngoài thái không, sự việc này càng ngày càng nhiều. Địa cầu của chúng ta có người ở, lẽ nào tinh cầu khác không có người ở. Thế giới Tây phương cực lạc chẳng phải là một tinh cầu khác hay sao, đều là việc rất có thể. Đây là chúng ta dùng khoa học cạn cợt nhất để trắc nghiệm, nó nhất định không phải giả. Nếu dùng khoa học kỹ thuật cao hơn để nói sẽ làm chúng ta càng dễ dàng lý giải. Khoa học gia chứng minh không gian là đa duy thứ, chúng ta gọi không gian ba chiều, bốn chiều. Chúng ta hiện đang ở trong không gian ba chiều, người ở trong không gian bốn chiều được xem như thần tiên. Khoa học gia chứng thực chỉ ít có đến mười một chiều không gian, cách nói này rất thú vị, rất giống trong Phật pháp nói về mười pháp giới. Do đây mà biết, nhà Phật nói mười pháp giới thực tế chính là không gian duy thứ không đồng nhau. Duy thứ càng cao, hoàn cảnh sinh hoạt của cảnh giới đó càng thù thắng, không gian sinh hoạt của họ càng rộng lớn. Đến duy thứ cao nhất, cứu cánh viên mãn thì không gian hoạt động của họ là tận hư không khắp pháp giới, khoa học gia cũng phát hiện ra. Vì sao hình thành vấn đề này, họ tuyệt nhiên không biết; làm thế nào đột phá, họ cũng không biết. Nhưng kinh Phật lại nói rất thấu triệt, mười pháp giới

hình thành do vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vậy làm thế nào để đột phá? dùng công phu thiền định, đem không gian trùng trùng vô hạn độ này đột phá, sau đó bạn mới thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đó gọi là pháp giới nhất chân, tương ứng với khoa học gia đã phát hiện.

9. Vấn đề thứ chín, trong pháp môn tịnh độ, lại có người hỏi rằng: “đại đức xưa đã nói ‘sanh thì nhất định sanh, đi thì thật không đi’, vậy rốt cuộc có vãng sanh hay không”?

Sanh thì nhất định sanh, đi thì thật không đi, vì sao thật không đi? bạn tuyệt nhiên không hề rời khỏi pháp giới này.

Chúng ta có thể dùng ti vi làm thí dụ, màn hình ti vi chỉ lớn như vậy, qua màn hình, bên này là Đài Loan, bên kia là nước Mỹ, bạn thấy một người mang hành lý lên máy bay đến nước Mỹ. Cảnh giới nước Mỹ hiện ra trước mặt, nhất định anh ta đã đi đến nước Mỹ, nhưng anh ta không hề rời khỏi màn hình. Cũng vậy, kênh đài hiện tại của chúng ta là thế giới ta bà, khi vừa chuyển kênh liền đến cõi nước Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, nhưng thực ra vẫn ở bình diện này, vẫn trong pháp giới này. Cho nên từ nhất chân pháp giới mà nói, không có đến đi. Từ vãng sanh mà nói, chuyển đổi kênh là thật, mười pháp giới là mười kênh không giống nhau. Tuy kênh đài không giống nhau, nhưng đều trong pháp giới này, cũng đều đang ở trong một màn hình, không hề rời khỏi. Bạn từ thí dụ này mà thể hội. Bạn đối với chân tướng sự thật ít nhiều có thể lý giải đôi chút, sau đó mới biết mình có muốn vãng sanh tịnh độ hay không. Chỉ có sanh đến thế giới Tây phương cực lạc, chúng ta mới có thể đột phá được thời không duy thứ vô hạn. Việc này khoa học gia mãi đến hôm nay vẫn không cách gì đột phá. Họ biết nếu có thể tiến vào không gian bốn chiều, năm chiều, liền có thể trở về quá khứ hay tiến vào vị lai. Vậy thì dục giới thiên, sắc giới thiên, vô sắc giới thiên, duy thứ của họ không giống với duy thứ

chúng ta. Ở trong cảnh giới đó, họ biết được quá khứ cũng biết được vị lai. Họ có thể hóa thân ở đời quá khứ cũng có thể ứng thân đến đời vị lai, thật được đại tự tại. Cho nên trùng trùng cảnh giới mà kinh Phật nói, dần dần được khoa học hiện đại chứng thực.

Tuy nhiên khoa học không biết được lẽ đương nhiên của nó, cũng không biết dùng phương pháp gì có thể đột phá, có thể tiến vào cảnh giới này. Chỉ có Phật pháp cao minh, hiểu rõ lẽ đương nhiên, cũng biết dùng phương pháp gì để đột phá, chúng ta nhờ đó liền khẳng định đối với thế giới Tây phương cực lạc. Vậy vãng sanh thế giới Tây phương cực lạc có tiêu cực không? không tiêu cực. Bạn nói nó tiêu cực, nó trốn tránh hiện thực, là hoàn toàn sai lầm, đây là thiên kiến. Phật đặc biệt nói rõ kinh Vô Lượng Thọ không phải kinh tiểu thừa mà là kinh đại thừa. Không những đại thừa mà đại thừa ngay trong đại thừa, nhất thừa ngay trong nhất thừa, là kinh điển cứu cánh liễu nghĩa, nên mới được mười phương tất cả chư Phật tán thán, tất cả chư Phật tuyên dương, đây là chân tướng sự thật, làm gì trốn tránh hiện thực.

Đến thế giới Tây phương cực lạc không phải đi hưởng thụ, nếu bạn vẫn còn ý niệm hưởng lạc thì cái vọng tưởng này khiến bạn không thể đi. Điều kiện đi thế giới Tây phương là “Tâm tịnh thời cõi nước tịnh”. Niệm Phật là phương pháp cần phải đạt đến tiêu chuẩn nhất định mới có thể vãng sanh. Tiêu chuẩn là tâm thanh tịnh, dùng phương pháp niệm Phật tu tâm thanh tịnh mới có năng lực và tư cách vãng sanh tịnh độ. Tâm không thanh tịnh, vọng tưởng phân biệt chấp trước vẫn tồn tại, thì mỗi ngày bạn niệm mười vạn Phật hiệu cũng không ích gì, người xưa nói “đau mòn rất hòng chỉ uống công”. Cũng giống như người đọc sách, học tập rất dụng công, báng mạng mà học, khi thi thì không đạt tiêu chuẩn, vậy có ích gì. Cho nên phải chú trọng hiệu quả thực tế. Tiêu chuẩn kinh Di Đà là “Nhất tâm bất loạn”, chúng ta dùng phương pháp “Chấp trì danh hiệu” để đạt đến nhất tâm bất loạn.

Sanh đến thế giới Tây phương cực lạc là cầu học, đến nơi đó để hoàn thành học vị, để làm Phật, đồng nghĩa thành tựu trí tuệ cứu cánh viên mãn, học đến bản lĩnh đầy người, không gì không biết, không gì không thể. Sau đó bạn mới có thể ở hư không khắp pháp giới, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, gọi là Phật độ chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Đây là giá trị chân thật, nhất định phải niệm Phật cầu sanh thế giới cực lạc. Lời nói này tuyệt đối không gạt người, là lời tâm huyết của tất cả chư Phật hết mực chân thành khẩn thiết khuyên dạy chúng ta. Phật không có yêu cầu gì, không cần chúng ta phải cung kính họ cũng không cần chúng ta cúng dường, Phật vô điều kiện. Phàm hễ giả dối lừa gạt người là họ luôn có mục đích, luôn có ý đồ. Chư Phật Bồ tát đối với tất cả chúng sanh không có bất cứ ý đồ gì, cũng không có bất cứ điều kiện gì, mỗi câu đều là lời chân thật.